



CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG BA

Địa chỉ: 573 Núi Thành - Quận Hải Châu - Tp.Đà Nẵng

Điện thoại: 0511.3653592

Fax: 0511.3653593

Email: sba2007@songba.vn

website: www.songba.vn

Mã chứng khoán: SBA

Sàn giao dịch: HoSE



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2015



Đà Nẵng, tháng 03 năm 2016

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2015

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: **Công ty Cổ phần Sông Ba.**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0400439955, đăng ký lần đầu ngày 24/07/2007, thay đổi lần thứ 9, ngày 06/01/2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp.
- Vốn điều lệ: **604.882.610.000** đồng (*Sáu trăm lẻ bốn tỷ, tám trăm tám mươi hai triệu, sáu trăm mười nghìn đồng*).
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: **604.882.610.000** đồng (*Sáu trăm lẻ bốn tỷ, tám trăm tám mươi hai triệu, sáu trăm mười nghìn đồng*).
- Địa chỉ: 573 Núi Thành – P.Hoà Cường Nam – Q.Thanh Khê - TP Đà Nẵng.
- Số điện thoại: 0511.3653.592.
- Số Fax: 0511.3653.593.
- Email: sba2007@songba.vn
- Website: www.songba.vn.
- Mã cổ phiếu: SBA, niêm yết tại Sở GDCK Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Quá trình hình thành và phát triển

* Thành lập

- Tiền thân Công ty Cổ phần Sông Ba là Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Điện Sông Ba được thành lập ngày 02/01/2003 với vốn điều lệ là 10 tỷ đồng theo hợp đồng liên doanh giữa Công ty Điện Lực 3 (nay là Tổng Công ty Điện lực Miền Trung (EVNCPC) thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN)) và Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam.
- Ngày 21/01/2005, Công ty bổ sung điều chỉnh tăng vốn điều lệ lên 30 tỷ đồng.
- Ngày 29/05/2007 được chuyển đổi thành Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Điện Sông Ba gồm 07 thành viên với vốn điều lệ đăng ký là 500 tỷ đồng và Hội đồng thành viên đã ra nghị quyết góp vốn theo tiến độ đầu tư các dự án thủy điện của Công ty.
- Ngày 04/7/2007 chuyển đổi sang hình thức Công ty Cổ phần với tên gọi Công ty Cổ phần Sông Ba với vốn điều lệ đăng ký là 500 tỷ đồng.
- Ngày 31/07/2007 là ngày kết thúc cho năm tài chính cuối cùng dưới hình thức Công ty trách nhiệm hữu hạn.



- Ngày 01/08/2007 là ngày bắt đầu cho năm tài chính đầu tiên dưới hình thức Công ty cổ phần. Cổ đông sáng lập là Công ty Điện lực 3 (nay là Tổng Công ty Điện lực miền Trung).

- Công ty đã được Sở Kế hoạch và đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0400439955 (đăng ký thay đổi lần thứ 9, ngày 06/01/2015).

*** Niêm yết**

- Ngày 01/06/2010, **45.000.000** cổ phiếu của Công ty Cổ phần Sông Ba đã chính thức niêm yết tại SGDCK HCM với mã chứng khoán: **SBA**, giá chào sàn: 16.000 đồng/cổ phiếu.



- Ngày 29/9/2011, Công ty niêm yết bổ sung **5.000.000** cổ phiếu SBA tại SGDCK HCM, nâng tổng số cổ phiếu SBA niêm yết **50.000.000** cổ phiếu.

- Ngày 11/10/2013, Công ty niêm yết bổ sung **2.488.261** cổ phiếu SBA tại SGDCK HCM, nâng tổng số cổ phiếu SBA niêm yết **52.488.261** cổ phiếu.

- Ngày 13/11/2013, Công ty niêm yết bổ sung **8.000.000** cổ phiếu SBA tại SGDCK HCM, nâng tổng số cổ phiếu SBA niêm yết **60.488.261** cổ phiếu.

Những sự kiện nổi bật

*** Năm 2003**

Khởi công xây dựng Công trình thủy điện Khe Diên, tại tỉnh Quảng Nam, công suất 9MW, tổng vốn đầu tư 187 tỷ đồng.

*** Năm 2005**

- Khởi công xây dựng Công trình thủy điện Krông H'ăng, tại 02 tỉnh Đắk Lắk và Phú Yên, công suất 64MW, tổng vốn đầu tư 1.477 tỷ đồng.



- Tăng vốn điều lệ từ 10 tỷ đồng lên 30 tỷ đồng.

*** Năm 2006**

Ký kết hợp đồng tín dụng 109,8 tỷ đồng từ vốn vay ưu đãi của NHPT Việt Nam để đầu tư Công trình thủy điện Krông H'ăng.

*** Năm 2007**

- Ngày 28/05/2007 : Vận hành thương mại Nhà máy thủy điện Khe Diên, công suất 9MW.



- Ngày 01/08/2007 : Chuyển đổi thành Công ty Cổ phần.

- Tăng vốn điều lệ lên 500 tỷ đồng.



*** Năm 2008**

- Ký kết hợp đồng vay bổ sung 683 tỷ đồng và 6,832 triệu USD từ vốn ưu đãi của NHPT Việt Nam để đầu tư Công trình thủy điện Krông H' năng.



- Được Quacert cấp chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn 9001 :2000.

*** Năm 2009**

- Hoàn thành cơ bản các hạng mục chính của Công trình thủy điện Krông H' năng, chuẩn bị hoàn thành công tác lắp đặt thiết bị, sẵn sàng cho công tác phát điện các tổ máy.

- Hoàn thành công tác nút cống dẫn dòng, tích nước để phát điện nhà máy.



- Chuyển đổi thành công hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn 9001 :2008.



*** Năm 2010**

- Ngày 1/6/2010 : Niêm yết chính thức cổ phiếu SBA tại SGDCK HCM.

- Ngày 25/06/2010: Vận hành thương mại tổ máy đầu tiên - Nhà máy thủy điện Krông H' năng.

- Ngày 12/09/2010: Vận hành thương mại Nhà máy thủy điện Krông H' năng, công suất 64MW.



*** Giai đoạn năm 2011 - 2015**

- Ngày 01/06/2011: Chuyển đổi Hợp đồng mua bán điện của Nhà máy thủy điện Khe Diên sang áp dụng biểu giá chi phí tránh được.
- Từ ngày 01/01/2011, chuyển đổi Hợp đồng mua bán điện Nhà máy thủy điện Krông H'ăng sang áp dụng biểu giá theo mùa. Từ ngày 01/01/2013 được EVN điều chỉnh tăng giá bán điện của Nhà máy.
- Chuyển đổi hệ thống tiêu chuẩn chất lượng ISO 9001 : 2008 theo Viện tiêu chuẩn Anh (BSI).



BSIVN 1125/2014

- Tháng 12/2014 : Xây dựng hoàn thành và chuyển trụ sở Công ty tại địa chỉ 573 Núi Thành – Phường Hoà Cường Nam – Quận Hải Châu – TP Đà Nẵng.



- Tháng 3/2015 : Cơ cấu 619,454 tỷ đồng nợ vay dự án thủy điện Krông H'nh, giảm áp lực tài chính Công ty.

*** Các danh hiệu cao quý**

Năm	Danh hiệu	Quyết định
2008	Huân chương lao động hạng Ba	Chủ tịch nước
2008	Bằng khen của Bộ Công thương	Bộ trưởng Bộ Công thương
2010	Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ	Thủ tướng Chính phủ
2011	Huân chương lao động hạng Ba, trao tặng cho Ông Phạm Phong – Tổng giám đốc Công ty	Chủ tịch nước
2012	Huân chương lao động hạng Nhì	Chủ tịch nước



3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

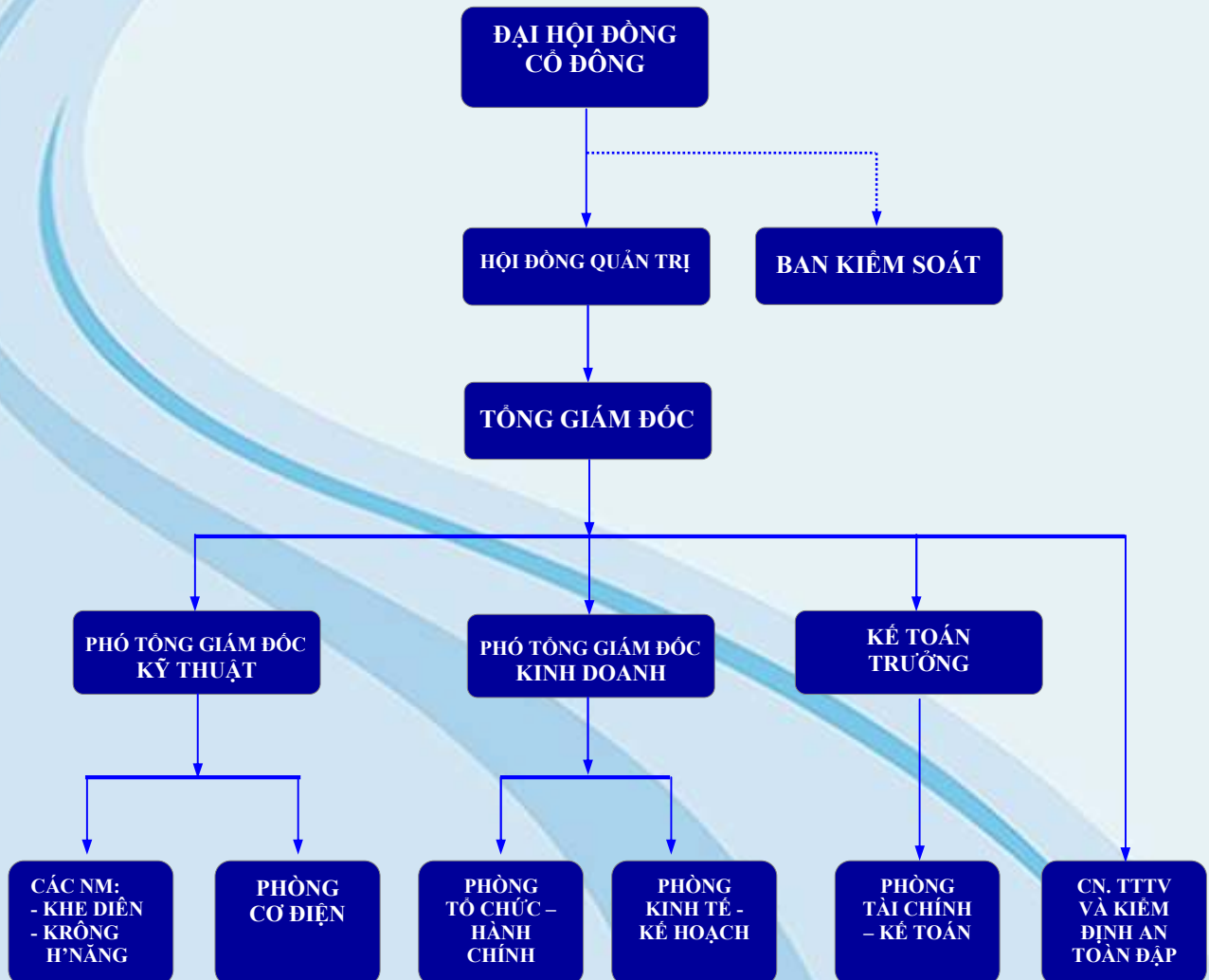
- Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất và kinh doanh điện năng; Tư vấn và Kiểm định an toàn Đập; Giám sát, lắp đặt thiết bị Nhà máy thủy điện; Đào tạo nghề: quản lý, vận hành Nhà máy thủy điện;...

- Địa bàn sản xuất, kinh doanh: Lãnh thổ Việt Nam.

4. Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

* Mô hình quản trị

- Sơ đồ tổ chức bộ máy Công ty:



* Cơ cấu tổ chức

- Công ty Cổ phần Sông Ba được tổ chức và hoạt động theo hình thức Công ty Cổ phần, tuân thủ các quy định của Luật Doanh nghiệp Việt Nam.

- Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty bao gồm:

- + Đại hội đồng cổ đông;
- + Hội đồng quản trị;
- + Ban kiểm soát
- + Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc ;
- + Chi nhánh Nhà máy thủy điện;
- + Chi nhánh Trung tâm TV và Kiểm định an toàn Đập;
- + Các phòng nghiệp vụ chức năng, bao gồm : Phòng Tài chính – Kế toán ; Phòng Kinh tế - Kế hoạch ; Phòng Tổ chức – Hành chính ; Phòng Cơ Điện.

a. Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên phải họp trong thời hạn bốn tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

b. Hội đồng quản trị

- Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.

- Số lượng thành viên Hội đồng quản trị không quá bảy (07) người. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị là không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành Công ty phải chiếm ít nhất một phần ba tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

- Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự quản lý hoặc chỉ đạo thực hiện của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác.

- Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định.

c. Ban kiểm soát

- Ban kiểm soát có ba (03) thành viên do cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bầu và bãi miễn, trong đó có ít nhất một thành viên là người có chuyên môn về tài chính kế toán. Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát là năm (05) năm; thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ không quá năm (05) năm.

- Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong thực hiện các nhiệm vụ được giao.

d. Tổng Giám đốc điều hành

- Hội đồng quản trị sẽ bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Tổng Giám đốc điều hành với điều kiện người đó tại thời điểm bổ nhiệm không là Tổng Giám đốc điều hành của doanh nghiệp khác, không bị cản trở bởi các quy định của pháp luật khác liên quan vấn đề bổ nhiệm Tổng Giám đốc điều hành và sẽ ký hợp đồng quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến việc tuyển dụng. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc điều hành là ba (03) năm trừ khi Hội đồng quản trị có quy định khác và có thể được tái bổ nhiệm.

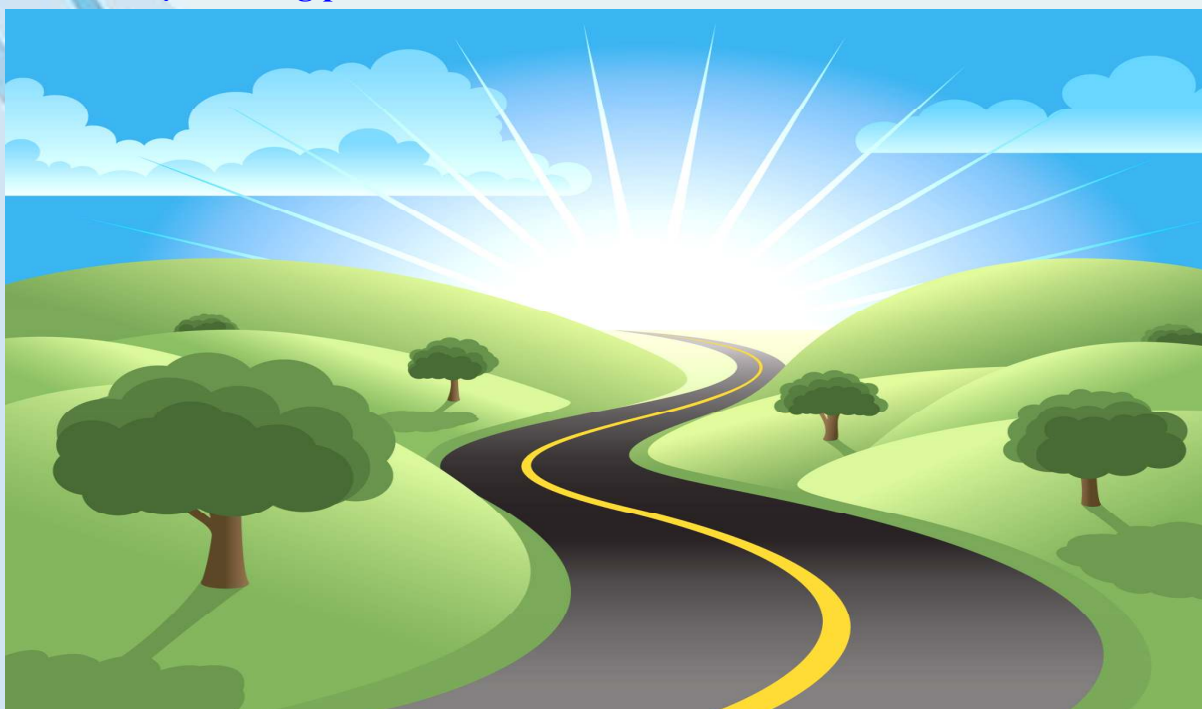
- Tổng Giám đốc điều hành thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua.

e. Chi nhánh Nhà máy thủy điện: Có nhiệm vụ sản xuất điện năng, hạch toán phụ thuộc Công ty;

f. Chi nhánh Trung tâm tư vấn và Kiểm định an toàn Đập: Có nhiệm vụ kiểm soát các hạng mục công trình Nhà máy thủy điện, thực hiện các dịch vụ tư vấn cho đối tác bên ngoài, đặc biệt tư vấn kiểm định an toàn Đập, hạch toán phụ thuộc Công ty;

g. Các Phòng nghiệp vụ: Phòng Kinh tế - Kế hoạch; Phòng Tài chính – Kế toán; Phòng Tổ chức – Hành chính; Phòng Cơ điện.

5. Định hướng phát triển



5.1. Quản lý, vận hành sản xuất các nhà máy đạt hiệu quả. Hoàn thiện các công tác, giải pháp để tăng sản lượng điện, doanh thu:

- Xây dựng quy trình vận hành tối ưu điều tiết hồ chứa. Vận hành xả lũ tốt, không ảnh hưởng đối với đồng bào vùng hạ du;
- Nghiên cứu các giải pháp để tăng dung tích hồ chứa đối với nhà máy thủy điện Khe Diên;
- Vận hành tốt Nhà máy khi tham gia thị trường phát điện cạnh tranh, tối đa doanh thu theo biểu giá chi phí tránh được.

5.2. Phát triển dịch vụ tư vấn

- Tiếp tục triển khai theo yêu cầu của các Chủ đầu tư đối với các dự án mà Công ty đang thực hiện;
- Phát triển dịch vụ: Tư vấn kiểm định an toàn Đập; Tư vấn phương án PCLB các hồ chứa NMTĐ; Sửa chữa, bảo dưỡng các nhà máy thủy điện; Tư vấn đào tạo

nghe (quản lý, vận hành NMTĐ), giám sát thi công, lắp đặt thiết bị, .. và tìm kiếm các cơ hội đầu tư mới.

5.3. Đầu tư xây dựng các dự án

- Dự án thủy điện Sông Tranh 1 và Krông H' năng 2: Nghiên cứu phương án đầu tư tối ưu và trình ĐHCĐ thông qua phương án đầu tư.

5.4. Chiến lược “Khách hàng – Người lao động – Cổ đông và nhà đầu tư”

- **Khách hàng:** Đây chính là trách nhiệm đối với sự phát triển của đất nước nói chung và ngành điện nói riêng. Đồng thời xem lợi ích của các chủ đầu tư là lợi ích của SBA (tiết kiệm – hiệu quả – đúng tiến độ).

- **Người lao động:** Thông qua những việc làm thiết thực để nâng cao thu nhập đối với người lao động và gia đình của người lao động. Thu hút, sàng lọc để trong ngôi nhà SBA là những người có tài năng, trí tuệ, tâm huyết, kinh nghiệm và lòng trung thành nhằm đưa công ty phát triển hiệu quả, bền vững, mang đậm nét văn hóa doanh nghiệp riêng của SBA.

- **Cổ đông và nhà đầu tư:** Đây chính là chiếc cầu nối giữa SBA và các đối tác chiến lược. Lợi ích của Cổ đông và nhà đầu tư chính là để SBA phải luôn nỗ lực, phấn đấu mang lại hiệu quả cao nhất, đảm bảo hài hòa giữa Công ty, người lao động và cổ đông.

Điều này sẽ đảm bảo mang lại lợi ích cho Cộng đồng – Cổ đông – CBCNV.



6. Các rủi ro

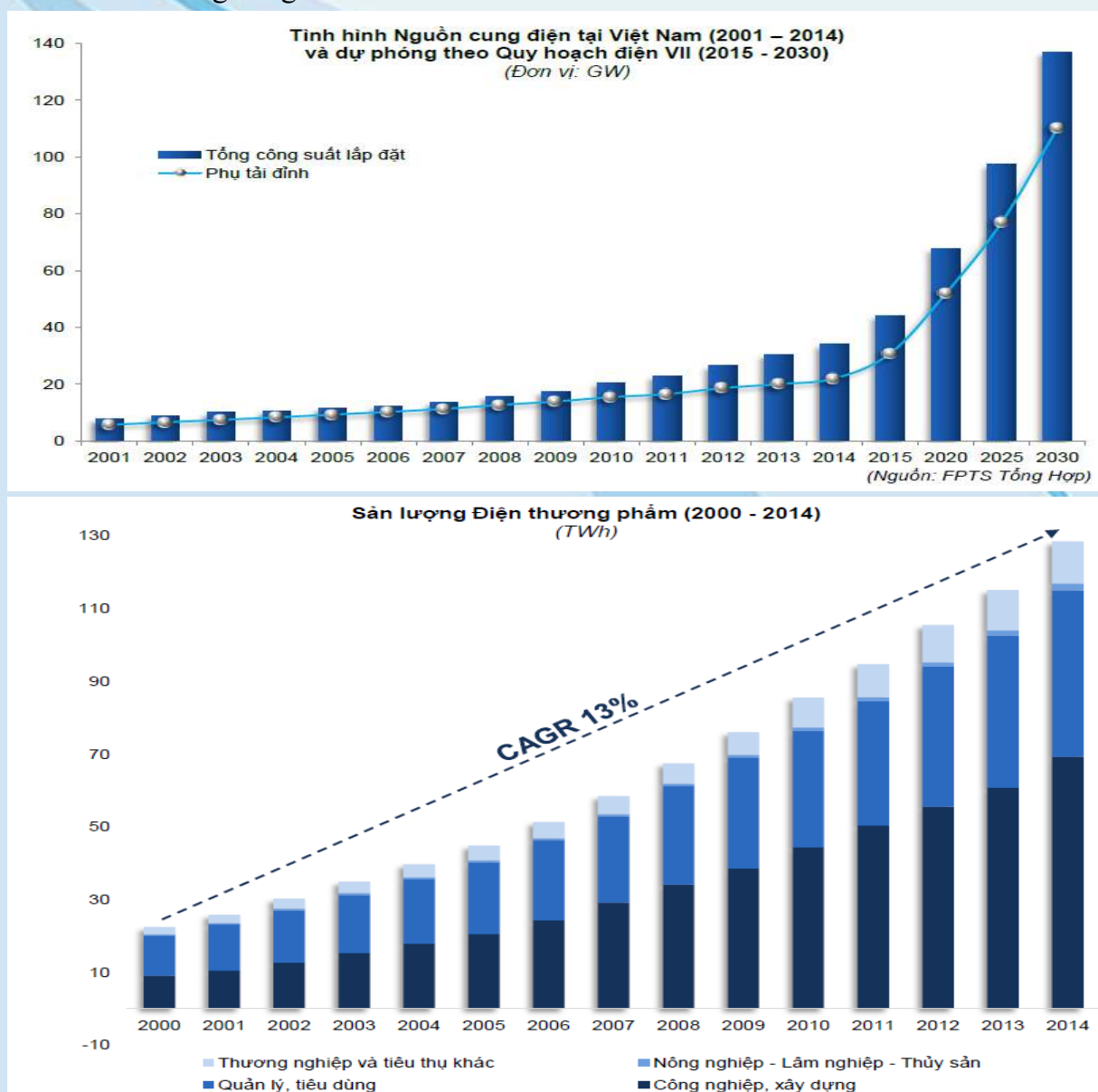
6.1 Rủi ro về kinh tế

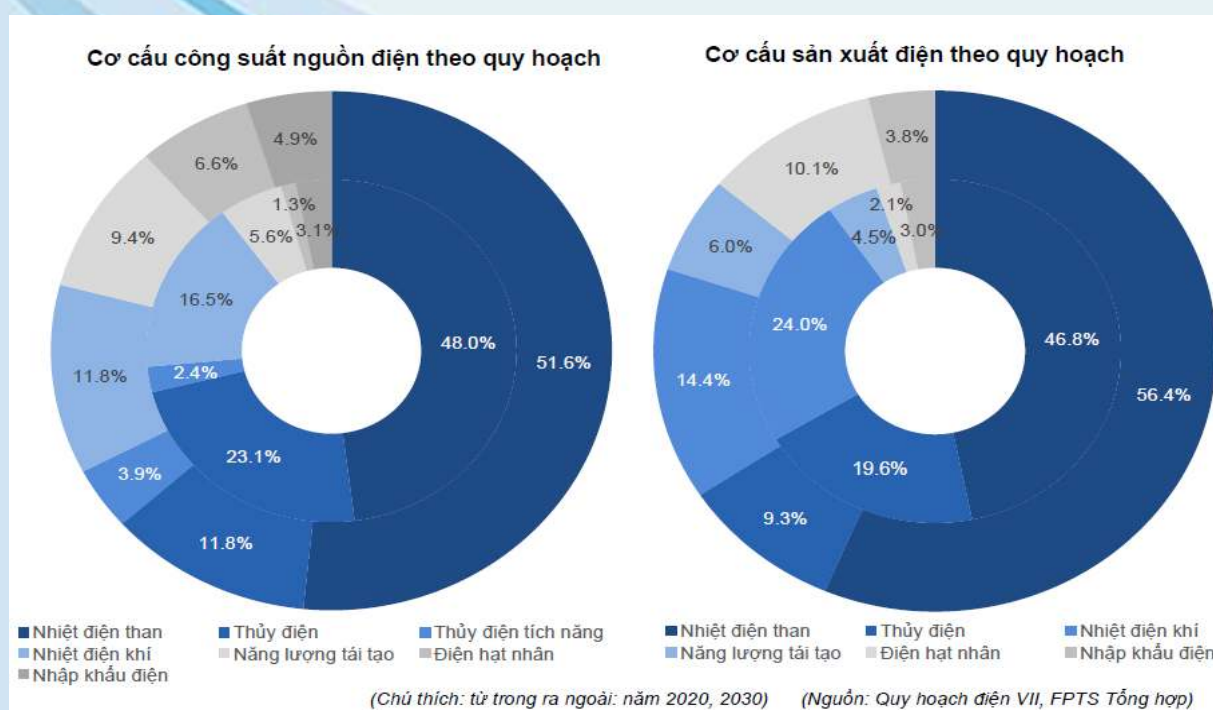
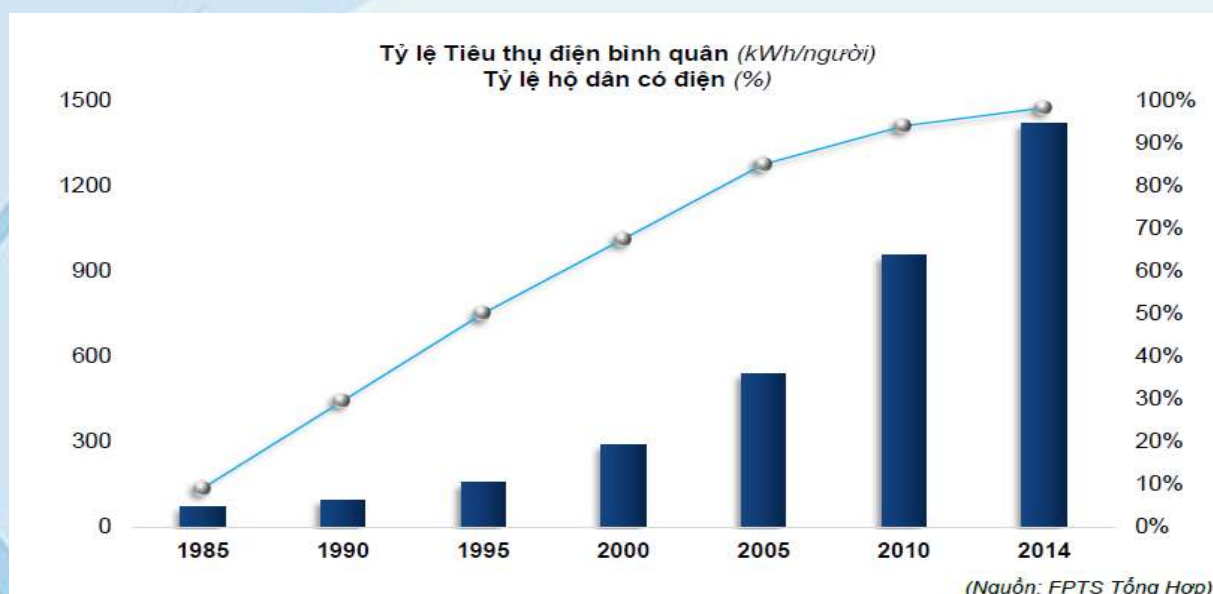
Năng lượng điện là một yếu tố đầu vào quan trọng của nền kinh tế. Sự phát triển hay suy thoái của nền kinh tế sẽ ảnh hưởng đến nhu cầu năng lượng. Tuy nhiên đối với nền kinh tế đang trong giai đoạn phát triển như Việt Nam, sau nhiều năm thiếu hụt đầu tư phát triển điện năng, sức cầu luôn vượt sức cung ngay cả trong giai đoạn kinh tế vẫn đang còn nhiều khó khăn hiện nay.

Năm 2015, nền kinh tế hồi phục trong điều kiện nhiều rủi ro bên ngoài và những khó khăn nội tại. Theo công bố của Chính phủ, tình hình kinh tế đã chuyển biến

tích cực. Kinh tế vĩ mô ổn định, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) cả năm tăng 0,6% so năm 2014, đánh dấu mức tăng trưởng thấp nhất trong vòng 14 năm qua và cũng thấp hơn rất nhiều so với chỉ tiêu 5% đề ra từ đầu năm. Dự nợ tín dụng ước tính cả năm tăng 18%. Mặt bằng lãi suất, tỷ giá và thị trường ngoại hối tiếp tục ổn định. Vốn FDI thực hiện khoảng 13,2 tỷ USD, tăng 17,9%. Vốn ODA giải ngân đạt khoảng 4,4 tỷ USD. Thu NSNN ước đạt 94,1% dự toán, tăng 8,3%, chi NSNN đạt 88,4% dự toán, tăng 7,4% so cùng kỳ. Tuy còn không ít khó khăn, hạn chế, nhưng cả nền kinh tế đã nỗ lực và tăng trưởng GDP đạt 6,68%.

Tuy nhiên, mức tiêu thụ điện năng không những không giảm mà còn có dấu hiệu tăng cao như dự báo và giá điện ngày càng có xu hướng tăng, phù hợp với quy luật kinh tế thị trường. Đặc điểm này có lẽ sẽ tiếp tục được duy trì trong khoảng 10 năm tới. Vì vậy, sự ảnh hưởng kinh tế đối với thị trường đầu ra của điện năng do SBA sản xuất là không đáng kể.





6.2 Rủi ro về luật pháp, giá điện

Ngày 21/7/2011, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Tổng Sơ đồ VII - quy hoạch phát triển điện lực quốc gia giai đoạn 2011-2020 có xét đến năm 2030. Rõ ràng, để thực hiện một quy hoạch quá lớn với nhu cầu vốn lên tới 5 tỷ USD/năm, ngoài các giải pháp đổi mới tổ chức quản lý, nâng cao hiệu quả hoạt động điện lực, tạo cơ chế huy động vốn đầu tư phát triển, thì cần phải tăng giá điện bù đắp chi phí vốn và tái đầu tư cho ngành điện. Bên cạnh đó, cần phải tăng giá mua điện đầu vào để thu hút các nguồn vốn đầu tư bên ngoài ngành. Giá điện bán lẻ điện hiện nay của Việt Nam chỉ khoảng 7 UScents, thấp so với khu vực và trên thế giới. Theo lộ trình tới năm 2020, giá điện Việt Nam sẽ đạt 8 ÷ 9 UScents/kWh.

Các giai đoạn hình thành thị trường điện tại Việt Nam



Đối với Nhà máy thủy điện Khe Diên, giá bán điện áp dụng theo biểu giá chỉ phí tránh được do Cục Điều tiết điện lực ban hành hàng năm và đang có xu hướng tăng sẽ mang lại hiệu quả cho Công ty.

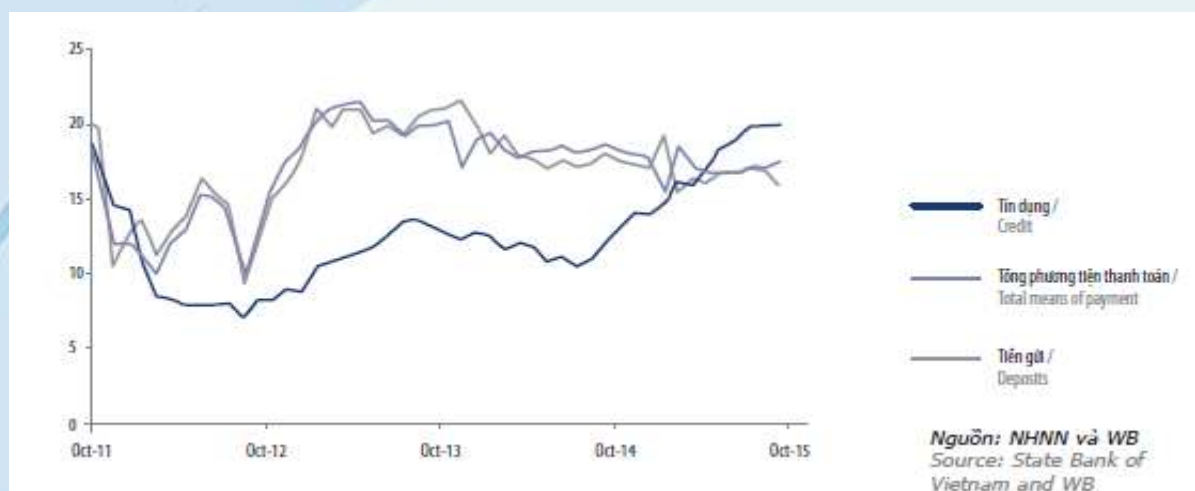
Đối với NMTĐ Krông H'ăn, trong những năm qua vận hành tối ưu theo thị trường phát điện cạnh tranh mang lại hiệu quả cao về doanh thu cho Công ty. Trong năm 2016, SBA đàm phán lại giá bán điện cho NMTĐ Krông H'ăn theo thông tư số 56/2014/TT-BCT của Bộ Công thương, đảm bảo mang lại hiệu quả cao cho Công ty trong thời gian đến.

6.3 Rủi ro lãi suất, tỷ giá

Chính sách tiền tệ năm 2015 được xem là mở rộng do sức ép lạm phát đã giảm đi đáng kể, thị trường tiền tệ và hoạt động Ngân hàng đã ổn định trở lại. NHNN đã giảm lãi suất tái cấp vốn từ 7% xuống còn 6,5% và lãi suất cho vay tái chiết khấu từ 5% xuống còn 4,5%/năm; Nới rộng giới hạn cho vay trung dài hạn từ 300% lên mức 60%. Điều này đưa dư nợ tín dụng cho nền kinh tế tăng khoảng 18%, cao hơn mức tăng của cùng kỳ các năm 2011-2014; mặt bằng lãi suất tiếp tục ổn định.

Chính sách tiền tệ đang trong tình trạng lẩn át bởi chính sách tài khoá cũng là một trong những quan ngại và là cản trở đối với nỗ lực giảm lãi suất hay nỗ lực giảm tình trạng thâm hụt cán cân vãng lai của NHNN. Tình trạng này là do huy động trái phiếu Chính phủ trong nước gia tăng dẫn đến hiệu ứng gia tăng lãi suất trên thị trường tiền tệ và cũng dẫn đến VNĐ tăng giá và gia tăng nhập siêu.

Về tỷ giá, năm 2015, tỷ giá VNĐ/USD tăng đáng kể do diễn biến bên ngoài và cả hiệu ứng từ huy động vốn từ NSNN. Mặc dù, NHNN đã phát đi thông điệp duy trì mức dao động tỷ giá không quá 2% cho cả năm 2015, nhưng trước diễn biến thực tế, NHNN đã linh hoạt và mạnh dạn điều chỉnh tỷ giá VNĐ/USD ngay khi đồng CNY phá giá vào tháng 8/2015. Hiện tại, dường như VNĐ đang lên giá so các đồng tiền khác, nhưng không có nhiều dấu hiệu về việc điều chỉnh mạnh đối với đồng tiền này và cơ quan chức năng đang kiên định với mục tiêu ổn định.



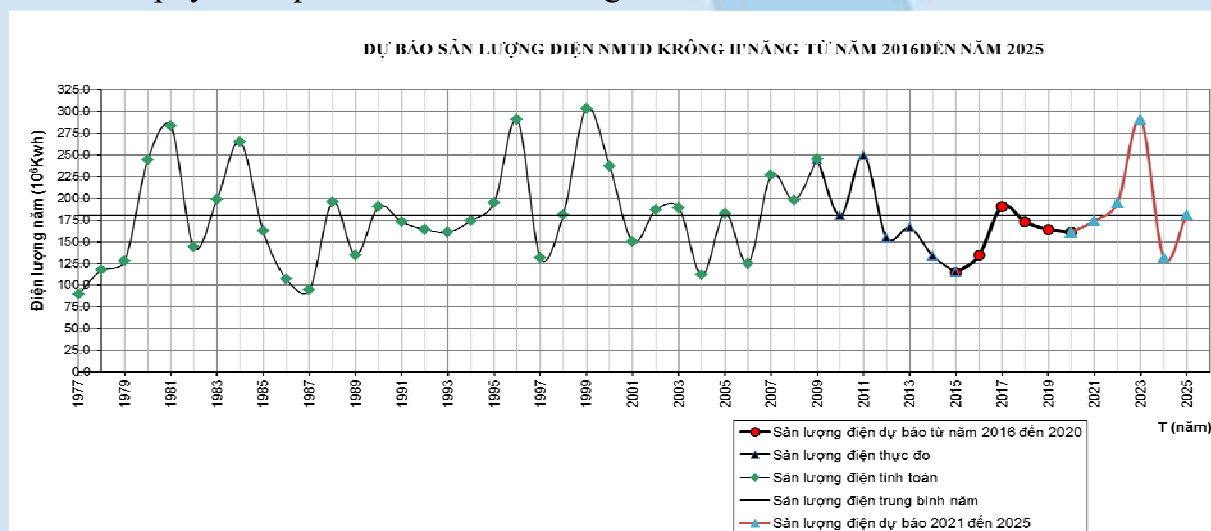
Trong năm 2015, SBA đã tái cơ cấu toàn bộ nợ vay 619,454 tỷ đồng tại VDB Phú Yên để chuyển qua vay tại OCB Quảng Nam, thời gian vay 10 năm, với lãi suất bằng lãi suất huy động tiết kiệm dưới 12 tháng cộng biên độ cố định 2,4%/năm trong suốt thời gian vay. Và việc cơ cấu lại khoản nợ vay này đã giúp giảm áp lực trả nợ gốc, không còn rủi ro về tỷ giá USD/VND, tuy nhiên vẫn còn tiềm ẩn rủi ro về lãi suất vay thả nổi.

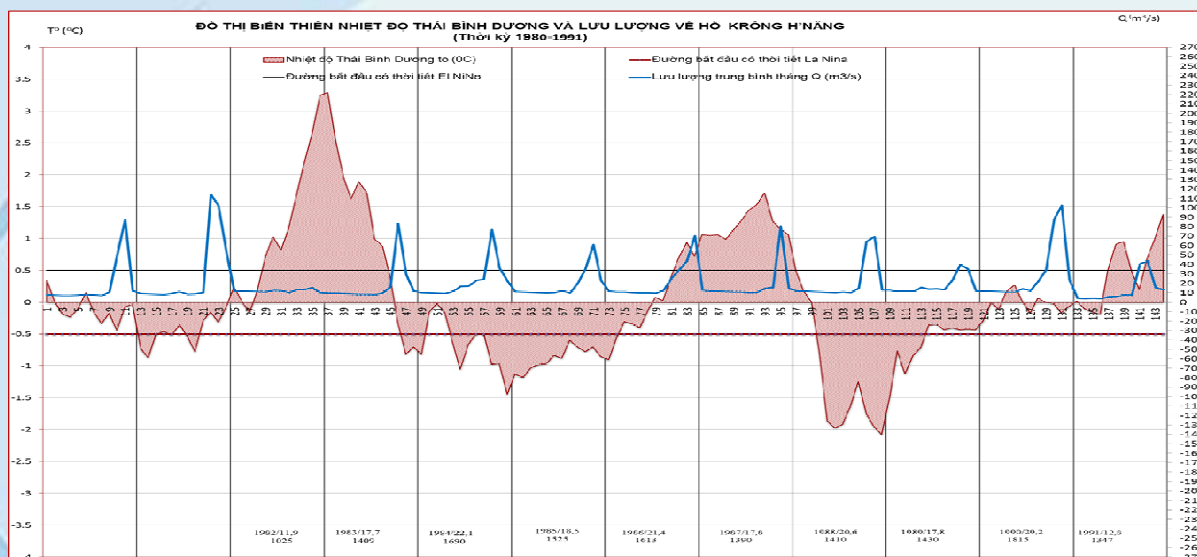
6.4 Rủi ro đặc thù ngành sản xuất kinh doanh thủy điện

Điều kiện thời tiết là rủi ro chủ yếu và có ảnh hưởng lớn nhất tới các công ty hoạt động trong lĩnh vực thủy điện. Sản lượng và hiệu quả của nhà máy thủy điện phụ thuộc chính vào nguồn nước.

Tuy vậy, khi xác lập thông số thủy văn, Công ty đã chọn phương án thiên về an toàn sản lượng điện hàng năm.

Công ty luôn theo dõi và nắm vững những dự báo khí hậu và thủy văn để có những phương án dự phòng vận hành điều tiết hồ theo phương án tối ưu nhất. Công ty đã nghiên cứu dòng thủy văn nhiều năm, và dự báo lưu lượng nước về hồ bằng Phương pháp dự báo thủy văn theo hiện tượng ENSO. Từ đó, tính ra dòng tiền thực để cân đối hợp lý nhất quá trình vận hành dòng tiền.





Phương pháp dự báo thủy văn theo hiện tượng ENSO

Công ty luôn chủ động phương án phòng chống bão lụt: Đã nghiên cứu vận hành và điều chỉnh nhiều năm. Công ty luôn chủ động để mang lại “vàng” cho chính mình và luôn được UBND tỉnh Phú Yên, Cục An toàn và Môi trường – Bộ Công thương đánh giá cao. Nhờ vận hành đạt hiệu quả trong công tác PCLB nên đã đảm bảo hài hòa lợi ích giữa doanh nghiệp và đồng bào vùng hạ du.

Về công tác PCCN: Hàng quý Công ty đều có báo động diễn tập 1 lần, qua đó để hình thành thói quen trong vận hành bình thường.

Công ty luôn thực hiện nghiêm túc các biện pháp bảo vệ môi trường sinh thái và được Bộ Tài nguyên và Môi trường đánh giá cao hoạt động của Công ty.

6.5 Nhận định chung về các nhân tố rủi ro

- Theo nhận định chung thì trong khoảng 10 năm đến, sự ảnh hưởng kinh tế Việt Nam đối với thị trường đầu ra của điện năng là không đáng kể vì ngành điện là mục tiêu ưu tiên trong kế hoạch phát triển cơ sở hạ tầng quốc gia. Chính phủ khuyến khích đầu tư trong lĩnh vực điện năng bằng các chính sách ưu đãi về thuế và vốn vay. Vì vậy, các rủi ro về kinh tế, pháp luật sẽ theo chiều hướng có lợi cho Công ty.

- Đối với giá bán điện: Hiện nay giá bán điện bình quân của nhà máy thủy điện Khe Diên trên 1.000 đồng/KWh (9MW) và dự báo sẽ được điều chỉnh theo xu hướng tăng hàng năm. Đối với Nhà máy thủy điện Krông H' năng (64 MW), trong năm 2016 đàm phán lại giá bán điện với EVN theo thông tư số 56/2014/TT-BCT **đảm bảo được mức lợi nhuận hợp lý**.

- Đối với lãi suất, sự dao động lãi suất sẽ có ảnh hưởng đến lợi nhuận nhưng về tỷ giá thì không còn rủi ro vì Công ty không còn khoản vay nào bằng ngoại tệ.

- Đối với đặc thù ngành sản xuất kinh doanh thủy điện: Công ty đã nghiên cứu dòng thủy văn nhiều năm, và dự báo lưu lượng nước về hồ bằng Phương pháp dự báo thủy văn theo hiện tượng ENSO, từ đó tính ra dòng tiền thực để cân đối hợp lý nhất quá trình vận hành đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định.

II. Tình hình hoạt động của SBA trong năm 2015

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Kết quả thực hiện các chỉ tiêu:

TT	Nội dung	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện	So sánh Th/Kh (%)
1	Sản lượng điện	(Tr.kWh)	200,00	164,38	82,19
	NM Khe Diên		30,00	42,02	
	NM Krông H'nh		170,00	122,36	
2	Tổng doanh thu	(tỷ đồng)	211,60	194,93	92,12
	Doanh thu sản xuất điện		210,29	192,85	
	Doanh thu khác		1,31	2,06	
3	Lợi nhuận sau thuế TNDN	(tỷ đồng)	65,61	51,77	78,91
4	Lãi cơ bản/cổ phiếu	(đ/CP)	1.085	859	79,17

Năm 2015 dù đã dự kiến khô hạn, nhưng thực tế diễn biến thời tiết quá khắc nghiệt, nguồn nước cạn kiệt dẫn đến không có nước phát điện, các chỉ tiêu kinh doanh cơ bản theo Nghị quyết số 03/2015 được ĐHĐCĐ giao không đạt như mong đợi. Tuy nhiên, để đạt được kết quả SXKD nêu trên, Công ty đã làm rất tốt công tác vận hành tối ưu các nhà máy thủy điện Krông H'nh khi tham gia Thị trường phát điện cạnh tranh (doanh thu tăng thêm từ việc tham gia VCGM trên 30 tỷ đồng) và Khe Diên theo Biểu giá chi phí tránh được hiệu quả.

2. Tổ chức và nhân sự

a. Ban Tổng Giám đốc và Kế toán Trưởng trong năm 2015

Ông Phạm Phong	- Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm lại ngày 10/04/2015
Ông Nguyễn Thế Duy	- Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm lại ngày 02/05/2015
Ông Phạm Thái Hùng	- Kế toán trưởng	Bổ nhiệm lại ngày 01/06/2015

❖ Ông Phạm Phong – Tổng Giám đốc

- Số CMND: 200186849; Ngày cấp: 02/03/2010; Nơi cấp: CA Đà Nẵng.
- Ngày sinh: 22/05/1958; Quê quán: Thừa Thiên – Huế.
- Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam.
- Địa chỉ thường trú: 42 Thái Phiên – TP. Đà Nẵng.
- Trình độ văn hóa: 12/12.
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Điện - chuyên ngành Hệ thống điện;
Thạc sỹ, kỹ sư cơ khí - chuyên ngành Chế tạo máy.
- Chức vụ hiện tại tại các tổ chức khác: Không có.
- Quá trình công tác:
 - Từ 1981 - 1994, Điện lực Quảng Nam Đà Nẵng. Chức vụ: Cán bộ Kỹ thuật.
 - Từ 1994 - 1997, Điện lực Quảng Nam Đà Nẵng. Chức vụ: Quản đốc, Phân xưởng cơ điện.

- Từ 1997 - 2001, Điện lực Quảng Nam. Chức vụ: Trưởng phòng Kế hoạch Vật tư.
- Từ 2001 – 2002, Trung tâm thiết kế điện - Công ty Điện lực 3. Chức vụ: Phó Giám đốc.
- Từ 2003 đến nay, Công ty Cổ phần Sông Ba. Chức vụ: Ủy viên HĐQT, kiêm Tổng Giám đốc.
- Số cổ phần nắm giữ: 6.361.037 cổ phần
*Trong đó: Sở hữu cá nhân: 312.175 cổ phần;
Đại diện cho EVN CPC: 6.048.862 cổ phần.*
- Số Cổ phần đang nắm giữ của người có liên quan: Không có.
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có.
- Các lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có.
- Các quyền lợi mâu thuẫn đối với Công ty: Không có.
- Các hành vi vi phạm pháp luật: Không có.

❖ Ông Nguyễn Thế Duy - Phó Tổng Giám đốc

- Số CMND: 205438339; Ngày cấp: 17/02/2006; Nơi cấp: CA QN - Đà Nẵng.
- Ngày sinh: 14/04/1980; Quê quán: Quảng Nam.
- Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam.
- Địa chỉ thường trú: Tổ 51, An Cư, An Hải Bắc, Sơn Trà, TP. Đà Nẵng.
- Trình độ văn hóa: 12/12.
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Điện .
- Chức vụ hiện tại tại các tổ chức khác: Không có.
- Quá trình công tác:
 - Từ tháng 05/2004 - tháng 08/2007, Công ty Cổ phần Sông Ba. Chức vụ: Chuyên viên Phòng Kỹ thuật .
 - Từ tháng 09/2007 - tháng 01/2008, Công ty Cổ phần Sông Ba. Chức vụ: Phó Trưởng Phòng Cơ điện .
 - Từ tháng 02/2008 – tháng 04/2010, Công ty Cổ phần Sông Ba. Chức vụ: Phó Ban Chỉ huy Công trình thủy điện Krông H'nh 2 .
 - Từ tháng 05/2010 – tháng 04/2014, Công ty Cổ phần Sông Ba. Chức vụ : Trưởng Phòng Kinh tế - Kế hoạch.
 - Từ tháng 05/2014 đến nay, Công ty Cổ phần Sông Ba. Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc.
- Số cổ phần nắm giữ: Không có.
- Số Cổ phần đang nắm giữ của người có liên quan: Không có.
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có.
- Các lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có.
- Các quyền lợi mâu thuẫn đối với Công ty: Không có.
- Các hành vi vi phạm pháp luật: Không có.

❖ **Ông Phạm Thái Hùng - Kế toán Trưởng**

- Số CMND: 201769984; Ngày cấp: 25/7/2015; Nơi cấp: CATP.Đà Nẵng;

- Ngày sinh: 25/09/1979; Quê quán: Quảng Bình;

- Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam;

- Địa chỉ thường trú: 150 Nguyễn Hiền, Sơn Trà, Đà Nẵng;

- Trình độ văn hóa: 12/12

- Trình độ chuyên môn: Đại học kinh tế - Chuyên ngành Kế toán;

- Chức vụ hiện nay tại các tổ chức khác: Không có

- Quá trình công tác:

- Từ 2003 – 2004, Công ty TNHH Mỹ Anh, Quảng Bình. Chức vụ: Kế toán trưởng

- Từ 2004 – 2007, Công ty CP Bông vải Miền Trung, Quảng Nam. Chức vụ: Kế toán tổng hợp.

- Từ 2007 – tháng 06/2009, Công ty CP Bông vải Miền Trung, Quảng Nam. Chức vụ: Kế toán trưởng.

- Từ tháng 07/2009 – tháng 08/2009, Công ty CP Sông Ba. Chức vụ: Phó phòng Tài chính.

- Từ tháng 09/2009 – tháng 12/2009, Công ty CP Sông Ba. Chức vụ: Phụ trách Phòng Tài chính.

- Từ tháng 01/2010 đến nay, Công ty CP Sông Ba. Chức vụ: Kế toán Trưởng.

- Số cổ phần nắm giữ: Không có.

- Số Cổ phần đang nắm giữ của người có liên quan: Không có.

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có.

- Các lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có.

- Các quyền lợi mâu thuẫn đối với Công ty: Không có.

- Các hành vi vi phạm pháp luật: Không có.

b. Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối năm 2015 là 88 người, trong đó cán bộ quản lý là 9 người.

- Chính sách đối với người lao động

- Công ty luôn cam kết và đảm bảo duy trì các quyền lợi chính đáng cho người lao động, thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của người sử dụng lao động đối với người lao động theo quy định hiện hành của pháp luật lao động như: trích nộp đầy đủ các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và kinh phí công đoàn. Hàng quý tổ chức sinh nhật cho Người lao động trong Công ty. Thực hiện nghiêm chỉnh các chế độ xét nâng lương định kỳ theo quy chế lương cho cán bộ công nhân viên của Công ty.



- Công ty luôn quan tâm, tạo điều kiện cho cán bộ công nhân viên được bồi dưỡng, học tập nâng cao kiến thức về trình độ chuyên môn bằng cách thức phù hợp như đào tạo tại chỗ, gửi đi các khóa đào tạo chuyên môn ngắn và dài hạn trong và ngoài nước; tạo điều kiện cho các cán bộ kỹ thuật thâm nhập thực tế ở các dự án thủy điện đang triển khai, tại Nhà máy Thủy điện của Công ty nhằm tích lũy và nâng cao trình độ chuyên môn, kinh nghiệm làm việc.



Tổng Giám đốc đào tạo về phương pháp Logic giải quyết công việc



Kiểm tra, sát hạch công nhân Nhà máy



Báo cáo các giải pháp, ý tưởng đột phá
phát triển Công ty

- Công ty có chính sách khen thưởng xứng đáng và kịp thời đối với những tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong lao động, có sáng kiến cải tiến kỹ thuật giúp nâng cao năng suất lao động và hiệu quả kinh doanh.



Ông Nguyễn Thành – Chủ tịch HĐQT

Trao tặng danh hiệu chiến sĩ thi đua năm 2015 cho các cá nhân đạt thành tích xuất sắc.



*Ông Thái Văn Thắng – Phó Chủ tịch HĐQT
Trao tặng giấy khen cho các cá nhân đạt thành
tích xuất sắc năm 2015*



*Ông Phạm Phong – TVHDQT, Tổng Giám
đốc trao tặng giấy khen cho các cá nhân đạt
thành tích xuất sắc năm 2015*

- Công tác bảo hộ an toàn lao động, phòng chống cháy nổ trong Nhà máy, Công trường xây dựng cũng được Công ty quan tâm đúng mức. Công ty đã ban hành hệ thống các qui định về an toàn lao động, tổ chức huấn luyện an toàn lao động, phòng chống cháy nổ cho công nhân viên; tổ chức kiểm tra định kỳ về an toàn của các thiết bị máy móc, các công trình thủy công.





Huấn luyện và diễn tập PCCC tại NMTĐ Krông H'ăng

- Công ty luôn chăm lo đời sống cán bộ công nhân viên giúp người lao động yên tâm công tác: Cho vay không lãi để hỗ trợ CBCNV ở xa có nhu cầu làm nhà định cư tại nơi công tác, thăm hỏi động viên người lao động gặp hoàn cảnh khó khăn, tặng quà các ngày lễ tết, đảm bảo an ninh trật tự ...



Tổ chức vui chơi cho con của CBNV nhân ngày quốc tế thiếu nhi 1-6



Tổ chức sinh nhân cho CBNV Công ty



Một số môn thi đấu tại hội thao Công ty năm 2015



Tổ chức chúc mừng nữ CNV nhân ngày 20/10



c. Đối với cộng đồng, xã hội

Công ty luôn quan tâm đến đời sống đồng bào tại các Nhà máy đóng chân trên địa bàn. Hỗ trợ thường xuyên đối với các hộ khó khăn kinh tế, neo đơn, bị chất độc da cam. Vào những dịp Tết Nguyên Đán hàng năm, Công ty tổ chức phát quà cho các hộ đồng bào dân tộc. Ngoài ra, Công ty luôn tham gia các phong trào xung kích như làm đường, xây dựng nông thôn mới, khen thưởng cho các em học sinh có hoàn cảnh khó khăn học giỏi,...



CBNV Công ty tặng quà cho các hộ đồng bào nhân dịp tết Bình Thân



CBNV Công ty tham gia xây dựng đường bê tông nông thôn tại xã Hoà Sơn – Hoà Vang - Đà Nẵng



Đoàn viên Công ty hưởng ứng phong trào tuyên truyền tiết kiệm điện



Trao quà cho các em học sinh nghèo học giỏi tại xã CuPrau

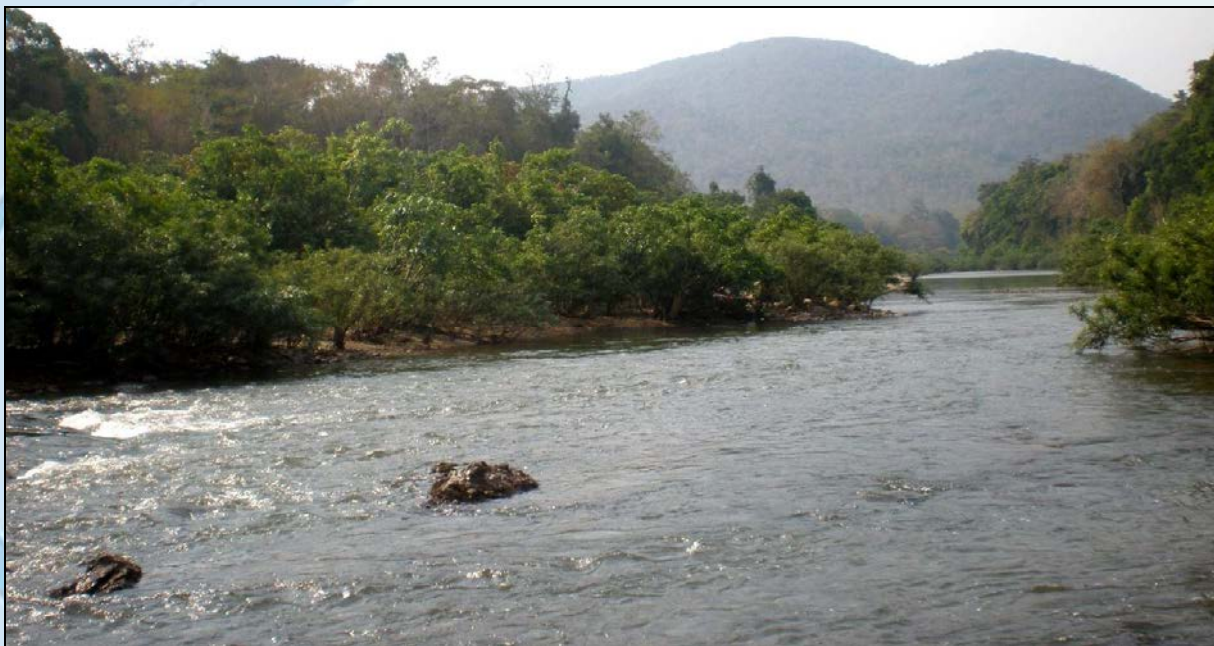


Ủng hộ công trình thanh niên “Xây dựng hệ thống điện chiếu sáng tượng đài và nhà lưu niệm Đội Hoàng sa kiêm quân Bắc Hải, xã An Hải, huyện Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi”

3. Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án

Dự án đã được UBND tỉnh Phú Yên cấp Giấy chứng nhận cho phép đầu tư. Tuy nhiên, điều kiện về tài chính không đủ, đồng thời gặp phải khó khăn do sự thay đổi chính sách của Nhà nước về ảnh hưởng ngập lòng hồ. Hiện Công ty đang nghiên cứu thêm Phương án thiết kế để giảm tối đa ảnh hưởng của dự án đến đất rừng, nâng cao hiệu quả khi triển khai đầu tư cho dự án.

Công trình thủy điện Krông H’Năng 2 nằm cách Krông H’Năng 1 khoảng 7 km về phía hạ du.



Dự án thủy điện Krông H'Năng 2, cách 7 km về phía hạ du Krông H'Năng

4. Tình hình tài chính

a. Chỉ tiêu chủ yếu kết quả kinh doanh

ĐVT: đồng

STT	CHỈ TIÊU	NĂM 2015	NĂM 2014	(%) tăng (+) giảm (-)
1	Tổng giá trị tài sản	1.456.557.129.908	1.448.044.688.387	100,59
2	Doanh thu thuần	194.925.779.987	211.372.110.045	92,22
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	55.834.134.833	69.467.694.072	80,37
4	Lợi nhuận khác	1.688.564.673	67.723.661	2.493,32
5	Lợi nhuận trước thuế	57.522.699.506	69.535.417.733	82,72
6	Lợi nhuận sau thuế	51.769.769.357	65.389.603.338	79,17
7	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	859	1.085	79,17

b. Các chỉ tiêu tài chính

STT	Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2014
1	Chỉ tiêu khả năng thanh toán (lần)		
+	Hệ số thanh toán nhanh (TSNH-TK)/Nợ NH	0,78	0,45
+	Hệ số thanh toán NH (TSNH)/Nợ NH	0,79	0,46
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
+	Nợ phải trả/Tổng Nguồn vốn (lần)	0,54	0,52
+	Nợ phải trả/Vốn CSH (lần)	1,16	1,11

3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
+	Doanh thu thuần/Tổng TS	0,13	0,14
4	Chỉ tiêu hiệu quả tài chính		
+	Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,27	0,31
+	Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn CSH (ROE)	0,08	0,10
+	Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng TS (ROA)	0,04	0,04
+	Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,29	0,33

- Về khả năng thanh toán

Tại thời điểm 31/12/2015, hệ số thanh toán nhanh và hệ số thanh toán ngắn hạn đều nằm ở mức 0,78-0,79. Điều này cho thấy Công ty đã nỗ lực cải thiện khả năng thanh toán đáng kể so năm 2014. Trong thời gian đến, Công ty tiếp tục có giải pháp tài chính dài hạn hiệu quả để đưa các hệ số này trở về 1,00.

- Về cơ cấu vốn

Hệ số nợ trên tổng nguồn vốn (TNV) khoảng 0,54 lần, cho thấy đòn cân nợ của Công ty đang sử dụng ở mức thấp so với trung bình ngành (0,65 - 0,7).

- Về khả năng sinh lời

+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (DTT) năm 2015 đạt 0,27 lần, thấp hơn so với năm 2014.

+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/VCSH (ROA) trong năm đạt 0,08 lần, thấp hơn so với năm 2014.

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a. Cổ phần

- Vốn góp đến ngày 31/12/2015 là **604.882.610.000** đồng.
- Tổng số cổ phiếu theo từng loại:
 - + Cổ phiếu thường: 60.488.261 cổ phiếu;
 - + Cổ phiếu quỹ: 199.930 cổ phiếu;
 - + Cổ phiếu ưu đãi: 0
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành theo từng loại:
 - + Cổ phiếu thường: 60.488.261 cổ phiếu;
 - + Cổ phiếu quỹ: 199.930 cổ phiếu;
 - + Cổ phiếu ưu đãi: 0 cổ phiếu.



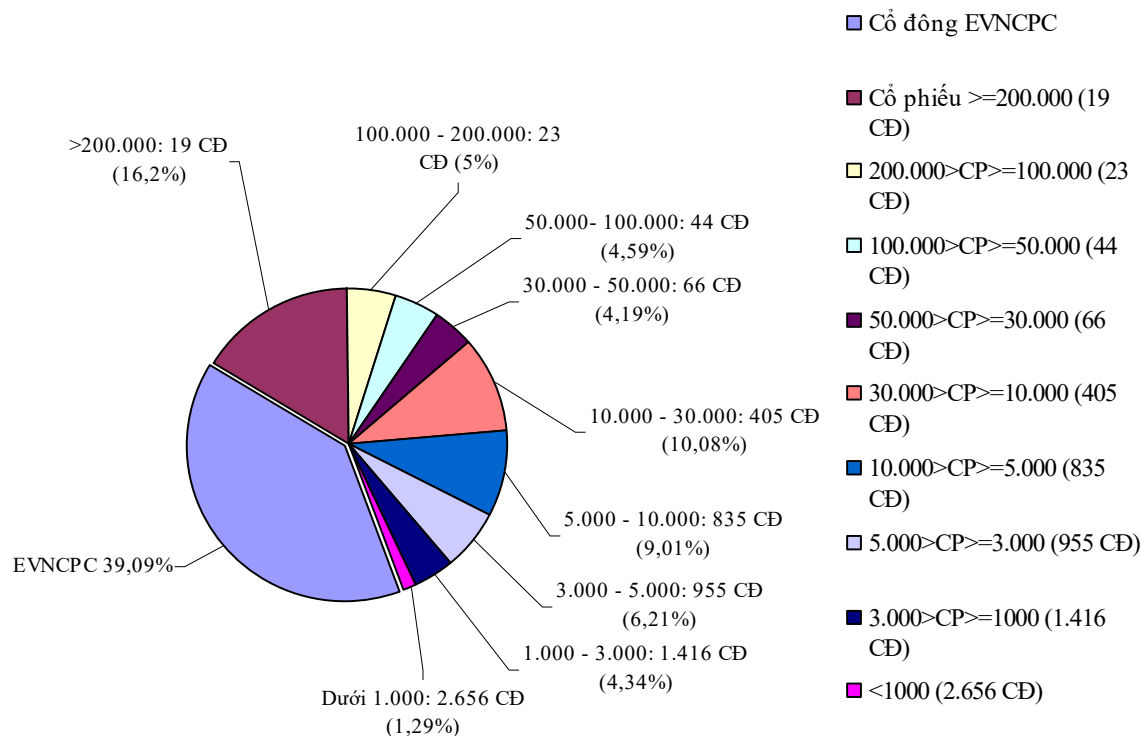
b. Cơ cấu cổ đông

- Cổ đông sáng lập, cổ đông nhà nước (EVNCPC): chiếm 39,09% vốn điều lệ (VĐL). Cụ thể:

STT	Cổ đông sáng lập, cổ đông nhà nước	Địa chỉ	Cổ phần phổ thông nắm giữ	
			Số lượng (cp)	Tỉ lệ (%)
	Tổng Công ty Điện lực Miền Trung (EVN CPC) (chi tiết người đại diện nêu bên dưới)	393 Trưng Nữ Vương - Quận Hải châu, Tp. Đà Nẵng Giấy ĐKKD số: 206000153, thay đổi lần thứ 10, ngày 04/06/2007, cấp bởi Sở KH&ĐT Tp. Đà Nẵng	236.450.000	39,09
Cộng			236.450.000	39,09
Người đại diện cho EVN CPC:				
1	Ông Nguyễn Thành	55 Tăng Bạt Hổ, Hải Châu, Đà Nẵng	14.517.268	24,00
2	Ông Phạm Phong	42 Thái Phiên, Hải Châu, Đà Nẵng	6.048.862	10,00
3	Ông Nguyễn Lương Minh	TP Đà Nẵng	3.078.870	5,09
Cộng			236.450.000	39,09

- Cổ đông khác: chiếm 60,58% (VĐL).
- Cổ phiếu quỹ: chiếm 0,33%.

Cơ cấu cổ đông SBA tại ngày 23/03/2016



c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Năm 2015, Công ty vẫn giữ nguyên vốn điều lệ là 604.882.610.000 đồng.

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Số cổ phiếu quỹ hiện tại của Công ty là 199.930 Cổ phiếu. Trong năm 2015, Công ty không thực hiện giao dịch Cổ phiếu quỹ.

e. Chứng khoán khác: Không có.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

a. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu: Nội dung như Mục II, khoản 1.

b. Công tác chính khác

➤ Công tác quản lý vận hành các nhà máy thủy điện

- Công tác quản lý vận hành các nhà máy luôn được Công ty quan tâm, chú trọng, đặc biệt là công tác sửa chữa bảo dưỡng thường xuyên thiết bị nhà máy, công tác diễn tập sự cố được tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc và xử lý khắc phục nhanh chóng các hư hỏng nhỏ trong vận hành.



- Công tác ATVSLĐ, PCCN, PCLB được thực hiện chủ động, hiệu quả không để xảy ra tai nạn lao động hay sự cố vận hành do chủ quan.



Diễn tập PCCC tại các Nhà máy

- Để tiết kiệm hợp lý các khoản chi phí trong điều kiện thời tiết khô hạn kéo dài, Công ty đã chủ động đề ra các biện pháp và tự tổ chức thực hiện công tác

sửa chữa lớn tại 02 Nhà máy đạt chất lượng, tiến độ hoàn thành sớm hơn so với kế hoạch đề ra Như: Đại tu Tổ máy H1, Trạm nâng áp 35/6,3kV và đường ống áp lực của nhà máy Khe Diên từ tháng 01/8 đến 24/9; Trung tu tổ máy H1 của nhà máy Krông H'Năng từ 15/3 đến 12/4.

- Công ty thực hiện đầy đủ chế độ thông tin, báo cáo định kỳ và đột xuất đến các Sở, Ban, ngành liên quan đúng theo quy định.



Đại tu thiết bị TBA 6,3/35kV



Kiểm định hệ thống đo đếm điện năng



Đại tu đường ống áp lực



Kiểm tra và phát quang hành lang tuyến ĐZ
35kV



Sửa chữa đại tu tổ máy

➤ Công tác giá điện, Thị trường điện

- Nhà máy Khe Diên: Nhờ đợt lũ trái mùa từ ngày 23÷27/3 nên đã tích được thêm được 28 triệu m³ nước, tương ứng với khoảng 10,8 triệu kWh. Nhờ đó kết quả vận hành nhà máy tốt, giá bán điện bình quân đạt 1.108 đồng/kWh.



Hồ Khe Diên được tích đầy nước nhờ đợt lũ cục bộ vào tháng 3

- Nhà máy Krông H'ăng:
- + Vận hành theo Thị trường điện (VCGM): Do ảnh hưởng El Nino, 10 tháng đầu năm Q_{về trung bình} chỉ là 10,7 m³/s, thấp nhất trong 5 năm kể từ khi nhà máy đưa vào vận hành, sản lượng chỉ đạt 40% kế hoạch năm. Tuy nhiên, từ ngày 2÷ 6/11 có ảnh hưởng của rãnh thấp phía Nam, gây mưa cục bộ trên lưu vực hồ, nhờ đó tình hình nước về được cải thiện, Nhà máy vận hành liên tục và cùng với sự năng động khéo léo của Công ty, đã không xả lũ nên sản lượng điện thương phẩm tăng thêm khá tốt, đạt 71,97% kế hoạch, doanh thu đạt 83,91% kế hoạch. Trong đó hiệu quả từ việc vận hành theo VCGM gia tăng doanh thu thêm 31,17 tỷ đồng.



CBNV đang vận hành sản xuất tại Phòng điều khiển trung tâm NMTĐ Krông H'ăng

- + Đàm phán lại giá bán điện: Giá bán điện của Nhà máy đã hết hiệu lực sau ngày 31/12/2015. Từ tháng 12/2015, Công ty đã gửi hồ sơ và đã đàm phán với EPTC, nhưng sản lượng điện trung bình nhiều năm của Nhà máy do Tổng Cục Năng lượng thẩm định đánh giá lại giảm còn 171,6 triệu kWh (giảm 31% so với thiết kế) khi vận hành theo Quy trình liên hồ chứa (Quy trình 1077) chưa được Bộ Công Thương phê duyệt điều chỉnh lại nên không được Cục điều tiết Điện lực chấp nhận.

➤ **Dịch vụ tư vấn:**

- Nhằm phát triển Công ty, phát triển đội ngũ CBNV luôn sáng tạo, đổi mới, từ đó làm cho mọi hoạt động của Công ty luôn hấp dẫn và bền vững. Bên cạnh nhiệm vụ sản xuất kinh doanh điện, trong năm 2015 Công ty đã nỗ lực, chủ động tìm kiếm thêm việc làm trong công tác Tư vấn: Thẩm tra, giám sát lắp

- đặt thiết bị Nhà máy; Kiểm định an toàn Đập; Lập phương án Phòng, chống lụt bão,... tạo thêm việc làm cho Người lao động. Tổng doanh thu từ dịch vụ Tư vấn năm 2015 đạt 2,59 tỷ đồng, góp thêm 01 tháng lương cho cán bộ nhân viên Công ty, là khích lệ rất lớn trong điều kiện thời tiết khô hạn do El Nino.
- Hoạt động này tăng thêm thu nhập cho đội ngũ CBCNV, tạo được sự gắn bó lâu dài và tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển bền vững trong tương lai.



Hoàn thành công tác tư vấn thẩm tra và giám sát thi công phần thiết bị CTTD A Ròàng



Báo cáo tư vấn Kiểm định an toàn đập thủy điện ĐăkPsi 5

Báo cáo phương án PCLL hạ du đập NMTĐ An Đầm và Ry Ninh

➤ Công tác cổ đông, chia cổ tức, điều chỉnh thông tin cho cổ đông

- Chi trả Cổ tức cho Cổ đông: Từ thành phần cơ cấu cổ đông như đã phân tích, cho thấy số cổ cổ đông nhỏ lẻ chiếm tỷ trọng nắm giữ thấp giá trị cổ phiếu nhưng số lượng thì rất lớn nên Công ty luôn xem trọng việc phân phối cổ tức hàng năm.
- + Năm 2014: Đã chi trả cho cổ đông là 58,61/60,28 tỷ đồng, đạt 97,22%, còn lại tiếp tục chi trả là 1,67 tỷ đồng;

- + Cổ tức các năm trước đến năm 2011 và 2013: Cổ đông chưa nhận là 2,51 tỷ đồng (năm 2013: 1,47 tỷ đồng; từ 2011 về trước: 1,04 tỷ đồng);
- + Năm 2012: Trả bằng cổ phiếu, đã chi trả được 3.247/3.481 chứng chỉ cổ phiếu.
- Công tác công bố thông tin và điều chỉnh thông tin cho Cổ đông đúng quy định.



➤ Công tác tài chính và công tác khác

- Ký hợp đồng vay vốn dài hạn với giá trị 620 tỷ đồng với Ngân hàng OCB Quảng Nam để tái cơ cấu lại dư nợ nguồn vốn đầu tư dự án thủy điện Krông H' năng, giúp giảm áp lực trả nợ Ngân hàng và giải quyết khó khăn về tình hình tài chính của Công ty do thiếu hụt sản lượng của nhà máy Krông H' năng.

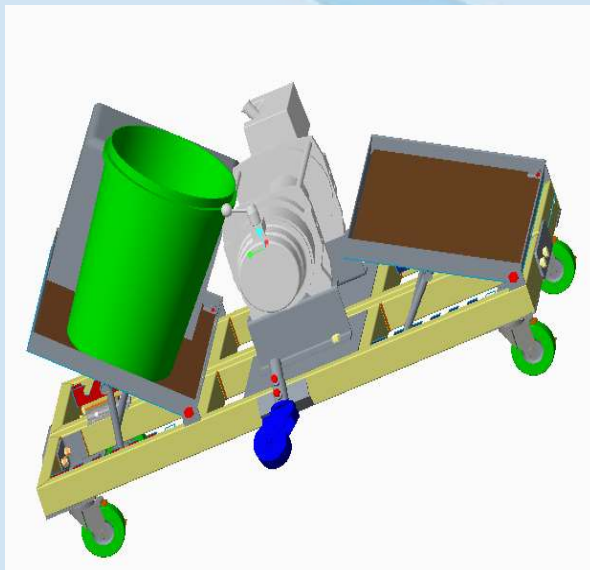


Lễ ký kết hợp đồng tín dụng tài trợ NMTĐ Krông H' năng với OCB

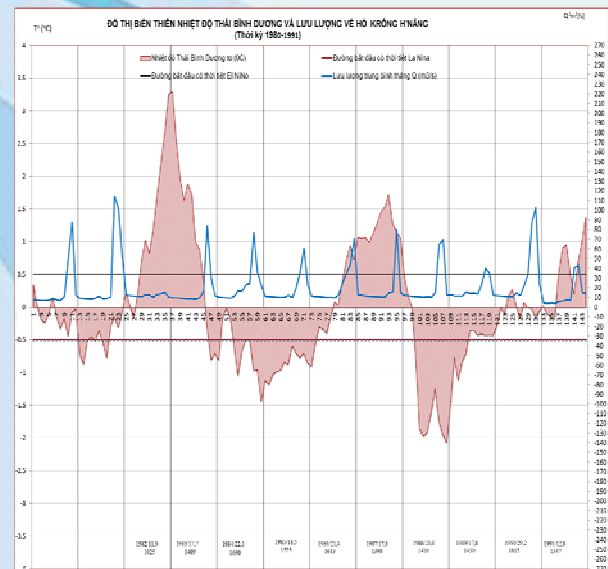
- Công tác sáng kiến cải tiến: Nhằm tạo động lực sáng tạo, đổi mới cho đội ngũ CBNV, Công ty luôn chú trọng công tác sáng kiến, hợp lý hoá. Trong năm 2015, toàn Công ty đã có 03 sáng kiến, 04 cải tiến và 39 hợp lý hóa sản xuất được áp dụng, mang lại hiệu quả thiết thực. Tổng số tiền khen thưởng là 50,5 triệu đồng. Ngoài ra, Công ty hiện đang tiếp tục nghiên cứu các đề tài: Thiết kế cải tiến, chế tạo lại thiết bị đo nước cấp chính xác milimét và Phương pháp dự báo thủy văn theo hiện tượng ENSO.



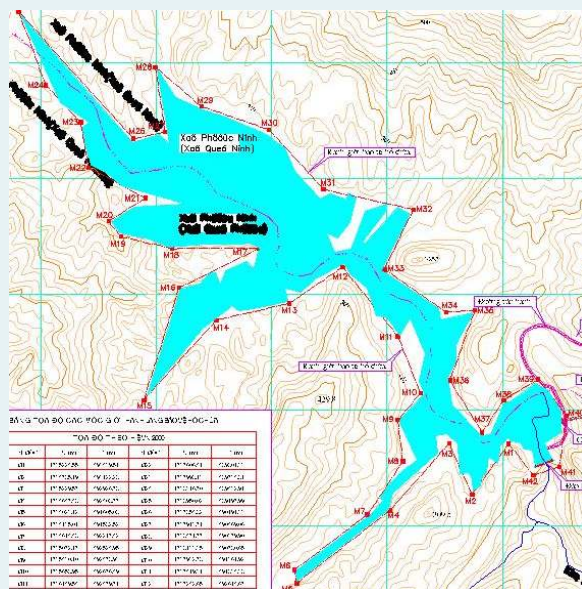
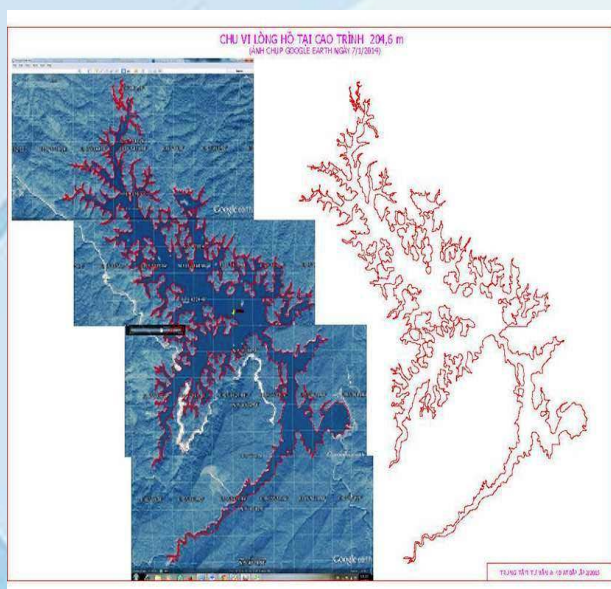
Hội đồng xét duyệt công tác sáng kiến cải tiến năm 2015



Sáng kiến của Phòng Cơ Điện:
Xe biện pháp kiểm tra, gia công sửa chữa
phía trong đường ống áp lực với độ
đốc lớn



Sáng kiến của TTTV:
Nghiên cứu thủy văn hồ 2 nhà máy
theo hiện tượng ENSO



Sáng kiến của TTTV:
Hiệu chỉnh đường quan hệ dung tích lòng hồ Khe Diên



Đề tài nghiên cứu TTTV: Tính toán lại lũ hồ Krông H'Năng theo phân tích địa hình đón gió

- Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với Người lao động như: BHXH, BHYT, BHTN. Tổng số lao động hiện tại của Công ty là 88 người (chưa tính lao động thời vụ).

c. Đánh giá hiệu quả hoạt động

- ☞ Công tác kiểm soát và cân đối dòng tiền để đảm bảo hoạt động ổn định Công ty trong điều kiện doanh thu từ sản xuất điện nhà máy Krông H'Năng giảm thấp do ảnh hưởng của En Nino. Trong đó giải pháp vay vốn OCB để tái cơ cấu lại dư nợ nguồn vốn đầu tư dự án thủy điện Krông H'Năng đã giúp Công ty giảm áp lực về trả nợ, không bị nợ xấu.
- ☞ Vận hành nhà máy Krông H'Năng theo Thị trường phát điện cạnh tranh: Chủ động, linh hoạt mang lại hiệu quả tốt.
- ☞ Công tác tổ chức tính toán lại thủy văn, sản lượng điện bình quân nhiều năm nhà máy Krông H'Năng và đã được Tổng cục Năng lượng thống nhất đánh giá lại sẽ giúp SBA thuận lợi trong việc đàm phán lại giá bán điện và làm cơ sở kiến nghị điều chỉnh quy trình vận hành hồ chứa.
- ☞ Dịch vụ tư vấn: Phát triển tốt về doanh thu, khách hàng và tạo được uy tín.
- ☞ Công tác ISO: Từng bước đã kiểm soát chặt chẽ được các hoạt động Công ty; Quy trình đánh giá hiệu quả công tác bước đầu đã phát huy được hiệu quả.
- ☞ Các công tác khác: Đã rất chủ động để giải quyết nhằm mang lại hiệu quả và ổn định cho các mặt hoạt động của Công ty.



2. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài sản

	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	31/12/2014
A	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		102.432.608.228	62.806.368.680
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	110		838.160.183	4.521.506.023
II	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120			
III	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		99.337.177.587	53.417.465.837
1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	86.672.043.422	41.059.835.315
2	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	4.171.207.271	4.485.618.236
3	Các khoản phải thu khác	135	8.a	8.493.926.894	7.872.012.286
IV	Hàng tồn kho	140	9	1.414.039.493	1.248.287.861
V	Tài sản ngắn hạn khác	150	10.a	843.263.965	3.619.108.959
B	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.354.124.521.680	1.385.238.319.707
I	Các khoản phải thu dài hạn	210		2.004.000.000	2.964.000.000
II	Tài sản cố định	220		1.333.725.596.192	1.365.795.998.813
1	Tài sản cố định hữu hình	221	11	1.328.523.028.612	1.360.552.871.233
	- Nguyên giá	222		1.600.062.846.380	1.594.907.657.253
	- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(271.539.817.768)	(234.354.786.020)
2	Tài sản cố định vô hình	227	12	5.202.567.580	5.243.127.580
	- Nguyên giá	228		5.478.061.800	5.478.061.800
	- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(275.494.220)	(234.934.220)
III	Bất động sản đầu tư	230			
IV	Tài sản dở dang dài hạn	240		5.691.273.761	13.843.262.371
V	Đầu tư tài chính dài hạn	250			
IV	Tài sản dài hạn khác	260		12.703.651.727	2.635.058.523
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.456.557.129.908	1.448.044.688.387

- Đối các khoản phải thu khách hàng: 86,672 tỷ đồng, trong đó:
 - + Thu EVNCPC tiền điện tháng 11&12: 12,685 tỷ đồng (hiện nay đã thu xong);
 - + Thu EPTC tiền điện tháng 11&12: 73,957 tỷ đồng (hiện nay đã thu xong).
- Hàng tồn kho: 1,414 tỷ đồng. Trong đó: CPSXDD các dự án thuê: 0,044 tỷ đồng; CCDC, NVL: 1,104 tỷ đồng
- Nguyên giá TSCĐHH, trong đó:
 - + Giá trị quyết toán XDCB tăng TSCĐHH NMTĐ Krông H'ăng là 1.401,32 tỷ đồng;
 - + TSCĐHH NMTĐ Khe Diên là 191,23 tỷ đồng.
 - + Khấu hao: SBA tiếp tục KHTSCĐ các NMTĐ theo sản lượng (VB số 13633/BTC-TCDN).

b. Tình hình nợ phải trả

	NỢ PHẢI TRẢ	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	31/12/2014
I	Nợ ngắn hạn	310		128.870.291.775	136.219.872.215
1	Phải trả cho người bán ngắn hạn	311	14	6.714.570.291	6.789.388.827
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	15	105.622.386	397.800.000
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	23.695.695.874	6.286.283.285
4	Phải trả người lao động	314		3.852.637.356	2.269.841.732
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	4.734.120.365	4.021.335.054
6	Phải trả ngắn hạn khác	319	18	28.561.582.185	9.413.246.672
7	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19.a	59.830.000.000	105.616.644.520
8	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.376.063.318	1.425.332.125
II	Nợ dài hạn	330		652.874.000.000	625.978.265.092
1	Phải trả dài hạn người bán	331			
2	Vay và nợ dài hạn	338	19.b	652.874.000.000	625.978.265.092
	TỔNG CỘNG	440		781.744.291.775	762.198.137.307

- Các khoản nợ ngắn hạn trong năm 2015 như sau:

NỢ PHẢI TRẢ	Đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Cuối kỳ
Vay Ngắn hạn		13.000.000.000		13.000.000.000
Ngân hàng Phương Đông Quảng Nam		13.000.000.000		13.000.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	105.616.644.520	46.830.000.000	105.616.644.520	46.830.000.000
Ngân hàng Ngoại thương Đà Nẵng	2.560.000.000	5.830.000.000	2.560.000.000	5.830.000.000
Ngân hàng phát triển Phú Yên	103.056.644.520		103.056.644.520	
Ngân hàng Phương Đông Quảng Nam		41.000.000.000		41.000.000.000
TỔNG CỘNG	105.616.644.520	59.830.000.000	105.616.644.520	59.830.000.000

- Các khoản nợ dài hạn đến cuối năm 2015 như sau:

NỢ PHẢI TRẢ DÀI HẠN	Đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Cuối kỳ
Vay dài hạn	731.594.909.612		651.344.909.612	699.704.000.000
Ngân hàng Ngoại thương Đà Nẵng	113.264.000.000		2.560.000.000	110.704.000.000
Ngân hàng phát triển Phú Yên	618.330.909.612		618.330.909.612	
Ngân hàng Phương Đông Quảng Nam		619.454.000.000	30.454.000.000	589.000.000.000
CỘNG	731.594.909.612	619.454.000.000	651.344.909.612	699.704.000.000
Trong đó:				
Vay dài hạn đến hạn trả trong vòng 1 năm	105.616.644.520			46.830.000.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	625.978.265.092			652.874.000.000

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Năm 2015, Công ty tiếp tục áp dụng và duy trì hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001: 2008.



- Nhằm từng bước nâng cao công tác quản lý, Công ty đã xây dựng quy trình đánh giá hiệu quả công việc và đang xây dựng bảng mô tả công việc đến từng cá nhân.
- Công tác sáng kiến, cải tiến luôn được Công ty khuyến khích, động viên. Trong năm đã có 3 sáng kiến, 4 cải tiến và 39 hợp lý hoá được áp dụng mang lại hiệu quả thiết thực trong sản xuất, kinh doanh.

4. Kế hoạch năm 2016



➤ Một số nhiệm vụ chủ yếu

- Các chỉ tiêu kinh doanh chính năm 2016:

TT	Nội dung	ĐVT	Kế hoạch	Ghi chú
1	Sản lượng điện	(Tr.kWh)	175.00	
	NM Khe Diên		35,00	
	NM Krông H'nh		140,00	
2	Tổng doanh thu	(tỷ đồng)	208,214	
	Doanh thu sản xuất điện		203,214	
	Doanh thu dịch vụ tư vấn		5,00	
3	Lợi nhuận sau thuế TNDN	(tỷ đồng)	61,289	
4	Lãi cơ bản/cổ phiếu	(đ/CP)	1.013	

- Các mục tiêu chính khác:

✓ Nhà máy TĐ Krông H'nh:

- + Tiếp tục tổ chức thuê nhân công địa phương chăm sóc và bảo vệ 175 ha rừng phục hồi theo quy định sau khi hoàn thành công tác trồng rừng.
- + Công tác tham gia Thị trường điện: Nghiên cứu để chuẩn bị cho giai đoạn Thị trường bán buôn điện cạnh tranh có hiệu quả.

✓ **Nhà máy TD Khe Diên:**

- + Đại tu Tổ máy H2;
- + Nâng cấp 2,5 km đường vận hành đoạn từ ngầm Đá Liếp đến cổng nhà máy bằng đường bê tông;
- + Nâng dung tích hồ chứa trong giai đoạn cuối đợt lũ với chiều cao mực nước hồ tăng thêm 1,5m (khi được cho phép của UBND tỉnh Quảng Nam);
- ✓ Tổ chức cắm mốc giới hành lang an toàn các hồ chứa và bàn giao cho địa phương quản lý;
- ✓ Đàm phán lại giá bán điện bình quân cố định nhà máy Krông H'Năng;
- ✓ Cải tiến liên tục hệ thống tài liệu ISO, thực hiện hiệu quả HTQLCL trong mọi mặt hoạt động Công ty;
- ✓ Toàn Công ty có 05 sáng kiến, đề tài nghiên cứu và 40 cải tiến, hợp lý hóa.

✓ **Công tác dịch vụ, tư vấn:**

- + Tiếp tục thực hiện công tác Tư vấn theo yêu cầu của Chủ đầu tư;
- + Tìm kiếm đối tác để mở rộng và phát triển dịch vụ. Doanh thu năm đạt trên 5,0 tỷ đồng.

✓ **Công tác nghiên cứu, đầu tư các dự án thủy điện:**

- + Dự án thủy điện Krông H'Năng 2: Làm việc với Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên, Bộ Công Thương xin phê duyệt điều chỉnh lại vị trí tuyến đập dâng dự án; Tính toán lại quy mô và phương án đầu tư đảm bảo an toàn, nâng cao được hiệu quả nguồn vốn đã đầu tư của Cổ đông, cổ đông không phải góp thêm vốn và trình xin ý kiến Đại hội đồng Cổ đông năm 2016 thông qua để tiếp tục triển khai thực hiện.
- + Dự án thủy điện Sông Tranh 1: Làm việc với Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam xin cấp chứng nhận đầu tư lại dự án. Khi có điều kiện sẽ trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua phương án đầu tư.

➤ **Giải pháp:**

- ✓ Công tác trung tu, đại tu: Nghiên cứu phương án tự thực hiện, thuê thí nghiệm để giảm chi phí;
- ✓ Việc tính toán lại thủy văn, sản lượng điện bình quân nhiều năm nhà máy Krông H'Năng và đã được Tổng cục Năng lượng thống nhất đánh giá lại là 171,6 triệu kwh: Đây là điều kiện thuận lợi để Công ty tiếp tục kiến nghị điều chỉnh Quy trình vận hành liên hồ (Quy trình 1077) để nâng cao trình mực nước đón lũ từ 251,5 mét lên 254,0 mét.
- ✓ Dự án thủy điện Krông H'Năng 2: Công ty đã nghiên cứu lại dòng chảy của hồ thủy điện Krông H'Năng để tính toán lại quy mô và phương án đầu tư.

Tiếp tục tự nghiên cứu toàn bộ và sẽ tự thực hiện, riêng đối với công tác giám sát và thẩm tra thuê ngoài.

- ✓ Tiếp tục rà soát, cơ cấu lại đội ngũ CBNV Công ty. Xây dựng kế hoạch đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, trong đó kết hợp giữa tuyển dụng và đào tạo nhằm xây dựng đội ngũ cán bộ có năng lực kế cận. Chính sách phân phối thu nhập hợp lý, đảm bảo cân đối hài hòa giữa năng suất lao động của CBNV và lợi ích đạt được, tạo động lực để CBNV phát huy sáng kiến và tâm huyết với công việc.

5. Giải trình của Ban Tổng giám đốc đối với ý kiến kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2014: Không có

V. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty



1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty và Ban Tổng Giám đốc

a. Công tác quản lý, điều hành

- HĐQT đã thực hiện công tác quản lý Công ty theo quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Quy chế hoạt động của HĐQT. Nên mọi hoạt động của HĐQT Công ty đến Ban điều hành luôn được thực hiện thông suốt, ổn định và mang lại hiệu quả bền vững.

- HĐQT Công ty gồm 5 thành viên (trong đó có 02 thành viên mới được bầu vào từ ngày 10/4/2015), trừ Tổng giám đốc, các thành viên còn lại làm việc theo chế độ không chuyên trách. HĐQT đã tổ chức các cuộc họp định kỳ hàng quý theo quy định để giải quyết các công việc thuộc thẩm quyền, và các cuộc họp đột xuất để giải quyết những công việc cấp bách, có mời Ban kiểm soát Công ty tham dự. Nhờ đó mà

công tác chỉ đạo, quản lý điều hành được thực hiện nhanh chóng, đáp ứng yêu cầu hoạt động của Công ty.

- Trong năm vừa qua, HĐQT Công ty đã ban hành 06 Nghị quyết, 10 Quyết định và nhiều văn bản để giải quyết những vấn đề quan trọng trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Một số nội dung quan trọng HĐQT đã thông qua như sau: Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2015; chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính Công ty năm 2015; phương án chi trả cổ tức năm 2014; Bổ nhiệm Tổng giám đốc điều hành Công ty và các chức vụ quản lý khác,... thuộc thẩm quyền của HĐQT.

- Công tác thông tin tuyên truyền của Công ty đến Cổ đông được chú trọng thông qua trang web của Công ty (<http://www.songba.vn>). Thông qua trang web này, Công ty đã thường xuyên nhận được những ý kiến đóng góp và trả lời những thắc mắc của Cổ đông.

- Tổng thù lao của HĐQT năm 2015 là 432 triệu đồng, trong đó Chủ tịch là 120 triệu đồng (10 triệu đồng/tháng), Phó Chủ tịch là 96 triệu đồng (8 triệu đồng/tháng) và các thành viên còn lại 216 triệu đồng (6 triệu đồng/tháng/người).

Đánh giá: HĐQT đã đáp ứng tốt vai trò chỉ đạo các hoạt động SXKD Công ty trong năm 2015.

b. Kết quả giám sát đối với Tổng Giám đốc Công ty

- Tổng Giám đốc Công ty đã thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ điều hành sản xuất kinh doanh, báo cáo kịp thời các nội dung đề nghị và trình HĐQT Công ty xem xét, phê duyệt, tổ chức thực hiện nghiêm túc các nghị quyết của HĐQT.

- Tổ chức triển khai thực hiện đúng quy định về chế độ đối với người lao động trong Công ty như: BHXH, BHYT, BHTN,...; giải quyết trả lương theo cơ chế khoán 6,5% trên tổng doanh thu.

- Hội đồng quản trị đánh giá cao năng lực lãnh đạo điều hành của Tổng Giám đốc Công ty. Trong năm 2015, là khoảng thời gian còn nhiều khó khăn về tài chính, thời tiết khô hạn do El Nino nhưng Tổng giám đốc Công ty đã rất chủ động, sáng tạo và linh hoạt để giải quyết và mang lại hiệu quả và có cổ tức cho Cổ đông.

Đánh giá: HĐQT đánh giá cao năng lực lãnh đạo điều hành của Tổng Giám đốc Công ty. Năm 2015 là năm tiếp tục có nhiều khó khăn do thời tiết không thuận lợi, đặt ra rất nhiều thách thức trong việc tìm kiếm các giải pháp về nguồn vốn để trả nợ vay ngân hàng và trả cổ tức cho Cổ đông,... nhưng Công ty đã rất chủ động, sáng tạo và đã giải quyết vượt qua khó khăn, mang lại hiệu quả và ổn định cho Công ty.



2. Định hướng chương trình hoạt động của HDQT năm 2016



Mục tiêu của HDQT Công ty năm 2016 là tiếp tục duy trì đà tăng trưởng, ổn định trong hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty bằng việc vận hành ổn định hiệu quả các nhà máy thủy điện Khe Diên và Krông H'năng, phát huy tốt công tác sáng kiến, cải tiến. Nghiên cứu tìm giải pháp tối ưu để triển khai đầu tư có hiệu quả dự án thủy điện Krông H'năng 2 bằng nguồn lực hiện có của Công ty. Với tình hình đó, HDQT định hướng hoạt động như sau:

- ☞ Tổ chức quản lý vận hành an toàn, hiệu quả các nhà máy thủy điện Khe Diên và Krông H'năng, tổng sản lượng điện thương phẩm đạt 175 triệu kWh, tổng doanh thu đạt 208,2 tỷ đồng. Cổ tức phân đầu đạt 10% trở lên.
- ☞ Tiếp tục đàm phán với EPTC, EVN để điều chỉnh lại giá bán điện của Nhà máy thủy điện Krông H'năng.
- ☞ Kiện toàn lại bộ máy tổ chức, cải tiến công tác quản lý, nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ quản lý để đáp ứng yêu cầu phát triển Công ty.
- ☞ Phát huy sáng kiến, cải tiến và hợp lý hóa sản xuất áp dụng có hiệu quả trong mọi hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty.

☞ **Về đầu tư xây dựng:**

- Dự án thủy điện Krông H' năng 2:

Nghiên cứu phương án đầu tư có hiệu quả đối với dự án thủy điện Krông H' năng 2, công suất từ 10÷13,5MW, sản lượng điện trung bình nhiều năm từ 32,6÷36,2 triệu kWh trình Đại hội cổ đông thông qua và đề nghị giao cho HĐQT Công ty giải quyết các thủ tục tiếp theo để tổ chức triển khai thực hiện. Bắt đầu khởi công tháng 12/2016 và đưa vào vận hành phát điện thương mại vào quý 4/2018. Cổ đông không phải góp thêm vốn.

- Dự án thủy điện Sông Tranh 1:

Công ty sẽ tiếp tục nghiên cứu Phương án đầu tư, làm việc với Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam để xin phê duyệt bổ sung vào quy hoạch, thời điểm thích hợp sẽ trình xin ý kiến của Cổ đông thông qua để thực hiện nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động.

☞ **Dịch vụ tư vấn:**

- Tiếp tục thực hiện việc Tư vấn theo yêu cầu các Chủ đầu tư đối với các hợp đồng đã ký kết như: Tư vấn thiết kế, tư vấn quản lý dự án thủy điện Tầm Phục (1,5 MW); Lập phương án phòng, chống lũ lụt hạ du đập thủy điện Đa Krông 1; Lập phương án phòng, chống lụt bão và đảm bảo an toàn đập cho cụm NMTĐ Drây H'Linh, . . . ;

- Nhằm phát huy năng lực và tăng thu nhập cho đội ngũ cán bộ nhân viên, Công ty sẽ mở rộng, tìm kiếm thêm việc làm như: Tư vấn sửa chữa bảo dưỡng các nhà máy thủy điện; giám sát thi công, lắp đặt công trình xây dựng, công trình điện; tư vấn kiểm định Đập,

V. Quản trị Công ty



1. Hội đồng quản trị

a. Thành viên và cơ cấu hội đồng quản trị

Board of Directors					
STT	Họ và tên	Chức danh	Số cổ phần sở hữu (CP)		
			Cá nhân	Đại diện EVNCPC	Chiếm tỷ lệ (%)
1	Nguyễn Thành	Chủ tịch	2.100	14.517.268	24,003
2	Thái Văn Thắng	Phó chủ tịch	84.000		0,14
3	Phạm Phong	Thành viên, kiêm Tổng Giám đốc	312.175	6.048.862	10,51
4	Nguyễn Lương Minh				
5	Trương Thành Nam	Thành viên			

b. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có

c. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Trong năm 2015, các thành viên HĐQT đã tổ chức và tham dự đầy đủ các phiên họp. Đã ban hành các Nghị quyết và quyết định sau:



TT	Số Nghị quyết, quyết định	Ngày	Nội dung
1	Nghị quyết 01/15/NQ-HĐQT	28/01/2015	Thông qua kế hoạch SXKD năm 2015 và một số nội dung liên quan khác:
2	Nghị quyết số 02/15/NQ-HĐQT	23/3/2015	Thông qua các nội dung công tác chuẩn bị cho ĐHCĐ Công ty năm 2015:
3	Quyết định số 04/15/QĐ-HĐQT	25/4/2015	Thông nhất chi trả cổ tức năm 2014 bằng tiền mặt cho Cổ đông
4	Nghị quyết số 05/15/NQ-HĐQT	25/4/2015	Thông qua nội dung công việc Công ty đã thực hiện trong quý 1 và kế hoạch quý 2 và một số nội dung khác liên quan
5	Quyết định số 07/15/QĐ-HĐQT	21/5/2015	Chọn đơn vị Kiểm toán Báo cáo tài chính Công ty năm 2015
6	Nghị quyết số 08/15/NQ-HĐQT	24/7/2015	Thông qua kết quả công việc Công ty đã thực hiện trong quý 2, 6; KHCT quý 3/2015
7	Quyết định 09/15/QĐ-HĐQT	16/9/2015	Xếp hạng Công ty Cổ phần Sông Ba là doanh nghiệp Hạng II
8	Quyết định số 10/15/QĐ-HĐQT	22/12/2015	Phê duyệt phương án cấm mốc giới xác định hành lang bảo vệ hồ chứa Krông H' năng
9	Nghị quyết số 11/15/NQ-HĐQT	30/12/2015	Thông qua kết quả công việc Công ty đã thực hiện trong quý 3, 9 tháng đầu năm 2015; Kế hoạch công tác quý 4/2015 và các nội dung quan trọng khác liên quan"

d. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành:
Không có

e. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Không có

2. Ban kiểm soát



a. Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát

Họ tên	Chức danh	Số cổ phần sở hữu (CP)	
		Cá nhân	Chiếm tỷ lệ (%)
Nguyễn Thị Trần Thảo	Trưởng ban	7.835	0,01
Trần Quang Cần	Thành viên		
Trần Ngọc Tuấn	Thành viên	21.000	0,03

b. Hoạt động của Ban Kiểm soát:

Trong năm 2015, các thành viên BKS đã tham dự đầy đủ các phiên họp kỳ của HĐQT và tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động của Công ty.



Ban kiểm soát đã đánh giá công tác quản lý điều hành của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc Công ty như sau:

- Đối với công tác quản lý điều hành của HĐQT: Trong năm 2015, hoạt động của HĐQT được tiến hành theo quy định của pháp luật, Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT. HĐQT đã tổ chức đầy đủ các cuộc họp định kỳ hàng quý để chỉ đạo Công ty thực hiện các chỉ tiêu do ĐHCĐ năm 2015 đề ra.

Các cuộc họp của HĐQT được Thư ký Công ty ghi chép biên bản đầy đủ theo các nội dung đã thống nhất thông qua và được thông qua Nghị quyết công bố đầy đủ

đúng quy định trên thị trường chứng khoán. Các nội dung HĐQT thông qua được Công ty nghiêm túc triển khai thực hiện.

- Đối với Công tác quản lý điều hành của Ban Tổng Giám đốc: Trong năm 2015, Ban Tổng giám đốc Công ty đã thực hiện đúng phạm vi trách nhiệm và quyền hạn đã xác định tại Điều lệ, Quy chế Tổ chức và hoạt động của Công ty, thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2015 và Nghị quyết của HĐQT.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý Công ty

a. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

ĐVT: VND

STT	Họ và tên	Chức vụ	Thù lao HĐQT, BKS, Thư ký	Lương và các khoản thưởng khác	Tổng thù lao, lương và các khoản thưởng khác
I	Hội đồng quản trị		360.000.000	326.265.386	686.265.386
1	Nguyễn Thành	Chủ tịch	120.000.000	108.755.129	228.755.129
2	Thái Văn Thắng	Phó chủ tịch	96.000.000	87.004.103	183.004.103
3	Nguyễn Trọng Bình (Từ tháng 1/2015 - 10/4/2015)	Thành viên	20.000.000	65.253.077	85.253.077
4	Đình Châu Hiếu Thiện (Từ tháng 1- 10/4/2015)	Thành viên	20.000.000	65.253.077	85.253.077
5	Trương Thành Nam (Từ 10/4/2015 – 12/2015)	Thành viên	52.000.000		52.000.000
6	Nguyễn Lương Minh (Từ 10/4/2015 – 12/2015)	Thành viên	52.000.000		52.000.000
II	Ban Kiểm soát		192.000.000	367.447.527	559.447.527
1	Nguyễn Thị Trần Thảo (Từ 10/4/2015 – 12/2015)		52.000.000		52.000.000
2	Nguyễn Thành Sơn (Từ tháng 1/2015 - 10/4/2015)	Trưởng ban	20.000.000		20.000.000
3	Trần Quang Cần	Thành viên	60.000.000		60.000.000
4	Trần Ngọc Tuấn	Thành viên – GD TTTV	60.000.000	367.447.527	427.447.527
III	Thư ký Công ty		60.000.000	424.375.557	484.375.557
1	Nguyễn Thế Duy	Thư ký – Phó Tổng Giám đốc	60.000.000	424.375.557	484.375.557

IV	Ban Tổng Giám đốc và CBQL Công ty		72.000.000	1.925.958.858	1.997.958.858
1	Phạm Phong	Thành viên HĐQT - Tổng Giám đốc	72.000.000	921.708.724	993.708.724
2	Phạm Thái Hùng	Kế toán Trưởng		399.182.098	399.182.098
3	Trà Quang Hữu	Giám đốc NMTĐ Krông H'ăng		313.897.492	313.897.492
4	Phan Minh Thạch	Giám đốc NM Khe Diên		291.170.544	291.170.544

b. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không phát sinh

c. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không phát sinh.

d. Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty: Thực hiện đúng quy định.

e. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán



CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

Trụ sở chính
Lô 78-80 Đường 30 tháng 4, Q. Hải Châu, Tp. Đà Nẵng
Tel: 84.511.3655886; Fax: 84.511.3655887
Email: aac@dng.vnn.vn
Website: http://www.aac.com.vn

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh
47-49 Hoàng Sa (Tầng 4 Tòa nhà Hoàng Đan)
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: 84.8.39102235; Fax: 84.8.39102349
Email: aac.hcm@aac.com.vn

Số: 454/2016/BCKT-AAC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các Cổ đông Công ty Cổ phần Sông Ba

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Sông Ba (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 01/03/2016, từ trang 5 đến trang 35, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG BA
Đ/c: 573 Núi Thành - TP Đà Nẵng * Tel: 0511.3653592-2215592 * Fax: 0511.3653593
Email: sba2007@songba.vn * Website: www.songba.vn



Trang 57/89

BSIVN 1125/2014



Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC

Lâm Quang Tú – Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1031-2013-010-1

Đà Nẵng, ngày 28 tháng 03 năm 2016

Nguyễn Thị Thúy – Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1622-2013-010-1

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán



❖ Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015

ĐVT: VND

	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	31/12/2014
A	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		102.432.608.228	62.806.368.680
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	110		838.160.183	4.521.506.023
1	Tiền	111	5	838.160.183	4.521.506.023
2	Các khoản tương đương tiền	112			
II	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120			
III	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		99.337.177.587	53.417.465.837
1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	86.672.043.422	41.059.835.315
2	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	4.171.207.271	4.485.618.236
3	Các khoản phải thu khác	135	8.a	8.493.926.894	7.872.012.286
IV	Hàng tồn kho	140	9	1.414.039.493	1.248.287.861
1	Hàng tồn kho	141		1.414.039.493	1.248.287.861
2	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149			
V	Tài sản ngắn hạn khác	150	10.a	843.263.965	3.619.108.959
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		86.173.344	2.995.330.395
2	Thuế GTGT được khấu trừ	152		757.057.621	623.778.564
B	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.354.124.521.680	1.385.238.319.707
I	Các khoản phải thu dài hạn	210		2.004.000.000	2.964.000.000
1	Phải thu dài hạn khác	216	8.b	2.004.000.000	2.964.000.000
II	Tài sản cố định	220		1.333.725.596.192	1.365.795.998.813
1	Tài sản cố định hữu hình	221	11	1.328.523.028.612	1.360.552.871.233
	- Nguyên giá	222		1.600.062.846.380	1.594.907.657.253
	- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(271.539.817.768)	(234.354.786.020)
2	Tài sản cố định vô hình	227	12	5.202.567.580	5.243.127.580
	- Nguyên giá	228		5.478.061.800	5.478.061.800
	- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(275.494.220)	(234.934.220)
III	Bất động sản đầu tư	230			
IV	Tài sản dở dang dài hạn	240		5.691.273.761	13.843.262.371
1	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241			
2	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	13	5.691.273.761	13.843.262.371
V	Đầu tư tài chính dài hạn	250			
IV	Tài sản dài hạn khác	260		12.703.651.727	2.635.058.523
1	Chi phí trả trước dài hạn	261	10.b	12.703.651.727	2.635.058.523
2	Tài sản dài hạn khác	268			

	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	31/12/2014
A	NỢ PHẢI TRẢ	300		781.744.291.775	762.198.137.307
I	Nợ ngắn hạn	310		128.870.291.775	136.219.872.215
1	Phải trả cho người bán ngắn hạn	311	14	6.714.570.291	6.789.388.827
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	15	105.622.386	397.800.000
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	23.695.695.874	6.286.283.285
4	Phải trả người lao động	314		3.852.637.356	2.269.841.732
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	4.734.120.365	4.021.335.054
6	Phải trả ngắn hạn khác	319	18	28.561.582.185	9.413.246.672
7	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19.a	59.830.000.000	105.616.644.520
8	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.376.063.318	1.425.332.125
II	Nợ dài hạn	330		652.874.000.000	625.978.265.092
1	Phải trả dài hạn người bán	331			
2	Vay và nợ dài hạn	338	19.b	652.874.000.000	625.978.265.092
B	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		674.812.838.133	685.846.551.080
I	Vốn chủ sở hữu	410		674.812.838.133	685.846.551.080
1	Vốn góp của chủ sở hữu	411	20	604.882.610.000	604.882.610.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		604.882.610.000	604.882.610.000
2	Thặng dư vốn cổ phần	412	20	(95.000.000)	(95.000.000)
3	Vốn khác của chủ sở hữu	414	20	6.749.952.910	4.692.172.664
4	Cổ phiếu quỹ	415	20	(1.588.920.333)	(1.588.920.333)
5	Quỹ đầu tư phát triển	418	20	13.094.426.199	10.420.123.594
7	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	20	51.769.769.357	67.535.565.155
	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	20		2.145.961.817
	- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	20	51.769.769.357	65.389.603.338
II	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.456.557.129.908	1.448.044.688.387
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.456.557.129.908	1.448.044.688.387

❖ Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2015

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	21	194.925.779.987	211.372.110.045
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		194.925.779.987	211.372.110.045
4	Giá vốn hàng bán	11	22	67.181.704.847	75.292.146.142
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		127.744.075.140	136.079.963.903
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	87.212.324	121.717.405
7	Chi phí tài chính	22	24	63.738.080.830	57.853.569.282
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		61.747.829.453	48.597.994.249
8	Chi phí bán hàng	24			
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	25	8.259.071.801	8.880.417.954
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		55.834.134.833	69.467.694.072
11	Thu nhập khác	31	26	2.064.776.664	366.665.749
12	Chi phí khác	32	27	376.211.991	298.942.088
13	Lợi nhuận khác	40		1.688.564.673	67.723.661
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		57.522.699.506	69.535.417.733
15	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	28	5.752.930.149	4.145.814.395
16	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
17	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		51.769.769.357	65.389.603.338
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	29	859	1.085
19	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	70		859	1.085

❖ Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2015 (Theo phương pháp trực tiếp)

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
I	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp DV và doanh thu khác	01		158.368.508.530	269.321.311.441
2	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(24.983.045.091)	(73.516.580.757)
3	Tiền chi trả cho người lao động	03		(10.834.732.993)	(14.864.731.373)
4	Tiền lãi vay đã trả	04		(62.352.323.919)	(47.555.112.610)
5	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	16	(5.577.028.486)	(3.264.184.240)
6	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		31.147.804.023	8.181.475.215
7	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(30.501.573.176)	(20.920.166.848)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		58.267.608.888	117.382.010.828
II	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1	Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21		(2.013.180.050)	(13.720.407.376)
2	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	23	86.186.919	492.304.624
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.926.993.131)	(13.228.102.752)
III	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1	Tiền thu từ đi vay	33		632.454.000.000	78.900.000.000
2	Tiền trả nợ gốc vay	34		(651.344.909.612)	(145.260.676.592)
3	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(41.133.051.985)	(53.678.034.304)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(60.023.961.597)	(120.038.710.896)
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50		(3.683.345.840)	(15.884.802.820)
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		4.521.506.023	20.406.121.445
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61			187.398
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ			838.160.183	4.521.506.023

❖ Thuyết minh Báo cáo tài chính năm 2015

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

1. Đặc điểm hoạt động

1.1 Khái quát chung

Công ty Cổ phần Sông Ba (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Điện Sông Ba thành Công ty Cổ phần (Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Điện Sông Ba được thành lập theo Hợp đồng liên doanh giữa Công ty Điện lực 3 (nay là Tổng Công ty Điện lực Miền Trung) và Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam). Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 0400439955 ngày 04/07/2007 (từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 9 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 06/01/2015). Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Công ty đã đăng ký giao dịch cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán SBA. Ngày chính thức giao dịch của cổ phiếu là ngày 01/06/2010.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh chính: Sản xuất và kinh doanh điện năng.

1.3 Ngành nghề kinh doanh:

- ✓ Sản xuất, truyền tải và phân phối điện. Chi tiết: Sản xuất và kinh doanh điện năng;
- ✓ Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng công trình, khảo sát, thiết kế các công trình thủy điện có công suất đến 30MW, đường dây điện và trạm biến áp đến 110KV. Tư vấn giám sát xây dựng, quản lý dự án các công trình thủy điện vừa và nhỏ, đường dây điện và trạm biến áp đến 110KV. Giám sát thi công xây dựng công trình thủy lợi, thủy điện. Tư vấn kiểm định, giám định chất lượng đập và công trình xây dựng thủy điện; Thiết kế công trình hạ tầng kỹ thuật (giao thông, hạ tầng cấp nước sinh hoạt nông thôn). Tư vấn điều tra, thu thập, tính toán, dự báo về khí tượng, thủy văn các giai đoạn xây dựng công trình; Tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông, dân dụng, hạ tầng kỹ thuật, hồ nuôi trồng thủy sản, công trình bảo vệ bờ sông, bờ biển; Tư vấn giám định chất lượng các loại công trình xây dựng. Khảo sát trắc địa công trình;
- ✓ Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Đầu tư xây dựng các công trình thủy điện. Xây dựng các công trình thủy điện có công suất đến 30MW, đường dây điện và trạm biến áp đến 110KV. Sửa chữa, bảo dưỡng nhà máy thủy điện; Xây dựng các công trình xây dựng vừa và nhỏ;

- ✓ Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- ✓ Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét. Chi tiết: Khai thác khoáng sản;
- ✓ Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác. Chi tiết: Nạo vét lòng hồ;
- ✓ Giáo dục nghề nghiệp. Chi tiết: Tư vấn đào tạo nghề (quản lý, vận hành nhà máy thủy điện);
- ✓ Hoạt động tư vấn quản lý. Chi tiết: Tư vấn giải pháp về môi trường, tái định canh, tái định cư;
- ✓ Lắp đặt hệ thống xây dựng khác. Chi tiết: Lắp đặt thiết bị cho các công trình xây dựng;
- ✓ Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Bán buôn vật tư, thiết bị cơ điện;
- ✓ Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật. Chi tiết: Nghiên cứu chế tạo phần cơ khí, phần điện thuộc nhà máy thủy điện; Chuyên giao công nghệ về kỹ thuật xây dựng, thiết bị;
- ✓ Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Cho thuê đất, nhà xưởng, kho bãi.

1.4 Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.5 Cấu trúc doanh nghiệp:

Tại ngày 31/12/2015, Công ty có 3 đơn vị hạch toán phụ thuộc gồm như sau:

- ✓ Chi nhánh Công ty Cổ phần Sông Ba - Nhà máy Thủy điện Khe Diên;
- ✓ Chi nhánh Công ty Cổ phần Sông Ba - Nhà máy Thủy điện Krông H' năng;
- ✓ Chi nhánh Công ty Cổ phần Sông Ba - Trung tâm Tư vấn và Kiểm định an toàn đập.

2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Các thay đổi quan trọng trong chính sách kế toán áp dụng

Ngày 22/12/2014 Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính.

Thông tư này có hiệu lực từ năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2015. Theo hướng dẫn của Thông tư 200, ảnh hưởng do thay đổi các chính sách kế toán được Công ty áp dụng phi hồi tố.

Ngoài ra, một số chỉ tiêu tương ứng của kỳ trước đã được phân loại lại (xem Thuyết minh số 38) nhằm đảm bảo tính chất so sánh với các số liệu kỳ này, phù hợp với quy định về lập Báo cáo tài chính tại Thông tư 200.

4.2 Chênh lệch tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng thương mại nơi công ty giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào và các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của ngân hàng thương mại nơi công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Riêng các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì được đánh giá lại theo tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi công ty mở tài khoản ngoại tệ.

Chênh lệch tỷ giá được thực hiện theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phản ánh vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.4 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: phải thu khách hàng, phải thu khác và phải thu nội bộ:

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua;
- Phải thu nội bộ là các khoản phải thu giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng được trích lập tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản phải thu đã quá hạn thu hồi trên 6 tháng hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ

đã lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn,... Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên với giá trị được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ: bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.6 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao</u> (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	15 - 50
Máy móc, thiết bị	6 - 15
Phương tiện vận tải	5 - 30
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 - 5

Trong đó, thời gian khấu hao của các TSCĐ thuộc Nhà máy thủy điện Krông H'ăng áp dụng tại Công ty dài hơn so với thời gian khấu hao quy định. Việc điều chỉnh này đã được Sở Tài chính Thành phố Đà Nẵng phê duyệt tại Quyết định số 293/QĐ-STC ngày 29 tháng 06 năm 2011. Theo đó, thời gian khấu hao cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	50
Máy móc, thiết bị	15

Để đảm bảo việc khấu hao phù hợp với tình hình sử dụng thực tế và tính chất mùa vụ của sản xuất thủy điện, riêng các TSCĐ sử dụng trực tiếp tại Nhà máy thủy điện Khe Diên và Nhà máy thủy điện Krông H'ăng được khấu hao theo phương pháp sản lượng. Cụ thể:

$$\begin{array}{l} \text{Mức trích} \\ \text{khấu hao} \\ \text{hàng năm} \end{array} = \frac{\text{Nguyên giá của tài sản cố định}}{\text{Thời gian khấu hao} \times \text{Công suất của TSCĐ theo đăng ký với Cơ quan thuế}} \times \frac{\text{Sản lượng điện thực tế đã phát trong năm}}{\text{Thiết kế trung bình mỗi năm}}$$

4.7 Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá

Tài sản cố định vô hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Quyền sử dụng đất

TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm:

- Quyền sử dụng đất được nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp (bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn, quyền sử dụng đất không thời hạn);
- Tiền thuê đất trả trước (đã trả cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước cho nhiều năm mà thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là 05 năm) cho hợp đồng thuê đất trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả các chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khấu hao

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không thực hiện khấu hao. Đối với quyền sử dụng đất có thời hạn thì thời gian trích khấu hao là thời gian được phép sử dụng đất của Công ty.

Tài sản cố định vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

Thời gian khấu hao tài sản cố định vô hình tại Công ty cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Phần mềm máy tính	5

4.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty :

- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng, chi phí sửa chữa: được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 đến 3 năm;
- Chi phí bảo hiểm tài sản, xe ô tô: được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn mua trong hợp đồng;
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.9 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm: phải trả người bán, phải trả nội bộ và phải trả khác:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty;
- Phải trả nội bộ là các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

4.10 Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được phản ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các khế ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi thỏa mãn điều kiện được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan đến khoản vay riêng biệt chỉ sử dụng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể của Công ty thì được vốn hóa vào nguyên giá tài sản đó. Đối với các khoản vốn vay chung thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Thời điểm chấm dứt việc vốn hóa chi phí đi vay là khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

4.11 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.12 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Cổ phiếu quỹ

Cổ phiếu quỹ là khoản tiền phải trả để mua lại cổ phiếu do Công ty đã phát hành và các chi phí liên quan trực tiếp đến giao dịch mua lại này.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh số chênh lệch giữa giá phát hành với mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến phát hành cổ phiếu; Chênh lệch giữa giá tái phát hành với giá trị sổ sách, chi phí trực tiếp liên quan đến tái phát hành cổ phiếu quỹ; Cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đến hạn.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Điều lệ Công ty hoặc theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức, lợi nhuận trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

4.13 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

- Doanh thu bán điện thương phẩm được ghi nhận căn cứ vào hồ sơ xác nhận sản lượng điện năng phát vào lưới điện quốc gia và đơn giá quy định tại Hợp đồng kinh tế số 06/2015/HĐ-NMĐ-KRH ngày 10/06/2012 với Tập đoàn điện lực

Việt Nam và hợp đồng số 05/2011/KHEDIEN/EVNCPC-SBA ngày 31/05/2011 với Tổng Công ty Điện lực miền Trung (đơn giá cụ thể áp dụng theo biểu giá chi phí tránh được do Cục Điều tiết Điện lực Việt Nam ban hành hàng năm).

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng;
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế;
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước đầu tư được hạch toán giảm giá trị khoản đầu tư.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

4.14 Giá vốn hàng bán

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

4.15 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính, chiết khấu thanh toán cho người mua, các khoản chi phí và lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

4.16 Chi phí quản lý doanh nghiệp



Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

4.17 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

4.18 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.19 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế GTGT: Áp dụng mức thuế suất 10% đối với hoạt động bán điện thương phẩm, các hoạt động khác áp dụng theo thuế suất quy định hiện hành.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp:
 - ✓ Đối với Nhà máy thủy điện Khe Diên: Áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 22%.
 - ✓ Đối với Nhà máy thủy điện Krông H'ăng: Áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trong thời hạn 15 năm (từ năm 2010 đến năm 2024), được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 9 năm tiếp. Năm 2010 là năm đầu tiên Nhà máy Thủy điện Krông H'ăng có thu nhập chịu thuế. Theo đó, Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp từ năm 2010 đến năm 2013 và giảm 50%

thuế thu nhập doanh nghiệp từ năm 2014 đến năm 2022.

Những ưu đãi trên đây được quy định trong Giấy chứng nhận đầu tư số 36121000085 ngày 03 tháng 03 năm 2014 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Phú Yên.

- ✓ Hoạt động khác áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 22%.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.20 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2015	01/01/2015
Tiền mặt	189.884.955	390.995.420
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	648.275.228	4.130.510.603
Cộng	838.160.183	4.521.506.023

6. Phải thu của khách hàng

	31/12/2015	01/01/2015
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	12.685.682.691	5.010.341.710
Công ty mua bán điện	73.957.305.704	33.324.980.167
Các đối tượng khác	29.055.027	2.724.513.438
Cộng	86.672.043.422	41.059.835.315

Trong đó phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	Mối quan hệ	31/12/2015	01/01/2015
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	Công ty đầu tư	2.685.682.691	5.010.341.710
Công ty mua bán điện	ĐVTT VN	73.957.305.704	33.324.980.167
Cộng		86.642.988.395	38.335.321.877

7. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2015	01/01/2015
Công ty CP Tư vấn và Chuyển giao Công nghệ Thủy lợi	2.969.766.000	2.969.766.000
Công ty TNHH Xây lắp TM&DV Nhân Thảo	-	217.843.100
Công ty CP Đo đạc địa chính và Công trình Hưng Bình	981.850.000	-
Các đối tượng khác	219.591.271	1.298.009.136
Cộng	4.171.207.271	4.485.618.236

8. Phải thu khác

a. Ngắn hạn

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tiền trồng rừng cho CTTĐ K'ông H'năng	-		6.497.794.823	
Tạm ứng	7.792.820.444		681.888.071	
- Trà Quang Hữu	2.500.000.000		-	
- Nguyễn Đăng Hùng	1.714.140.078		11.033.478	
- Trần Văn Tân	946.953.000		36.793.000	
- Phan Đình Thanh	1.618.853.160		132.417.760	
- Các đối tượng khác	1.012.874.206		501.643.833	
Phải thu khác	701.106.450		692.329.392	
Cộng	8.493.926.894		7.872.012.286	

b. Dài hạn

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ký cược, ký quỹ	2.004.000.000	-	2.964.000.000	-
Cộng	2.004.000.000	-	2.964.000.000	-

9. Hàng tồn kho

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	229.992.395	-	279.144.837	-
Công cụ, dụng cụ	836.450.000	-	865.820.000	-
Chi phí SX, KD dở dang	347.597.098	-	103.323.024	-
Cộng	1.414.039.493	-	1.248.287.861	-

- Không có hàng tồn kho ứ đọng, kém phẩm chất tại thời điểm 31/12/2015.
- Không có hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ tại thời điểm 31/12/2015.

10. Chi phí trả trước

a. Ngắn hạn

	31/12/2015	01/01/2015
Chi phí bảo hiểm	31.594.754	73.466.929
Chi phí kiểm tra, sửa chữa máy móc	54.578.590	2.246.173.077
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	-	675.690.389
Cộng	86.173.344	2.995.330.395

b. Dài hạn

	31/12/2015	01/01/2015
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	319.785.493	238.554.603
Chi phí trồng cây NMTĐ Krông H'Năng	-	10.875.126
Phần mềm Window, office và bravo	-	35.226.000
Chi phí trung tu, đại tu tô máy	4.068.852.425	900.734.282
Chi phí phát sinh sau quyết toán CTTĐ Khe Diên	-	171.452.568
Chi phí vật tư thí nghiệm	113.689.665	115.304.561
Chi phí sửa chữa CTTĐ Khe Diên	-	150.799.427
Chi phí sửa chữa CTTĐ Krông H'Năng	-	229.099.022
Chi phí sửa chữa máy biến áp, tài sản	92.336.125	78.182.441
Chi phí xây dựng bản đồ ngập lụt, chi phí khác	117.655.259	704.830.493
Chi phí trồng rừng CTTĐ Krông H'Năng	7.991.332.760	-
Cộng	12.703.651.727	2.635.058.523

11. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu kỳ	1.178.926.881.758	334.580.065.801	81.158.664.955	242.044.739	1.594.907.657.253
Đầu tư XDCB hoàn thành	5.155.189.127	-	-	-	5.155.189.127
T/lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	1.184.082.070.885	334.580.065.801	81.158.664.955	242.044.739	1.600.062.846.380
Khấu hao					
Số đầu kỳ	112.089.977.746	103.241.094.750	18.781.668.785	242.044.739	234.354.786.020
Khấu hao trong kỳ	19.029.996.494	14.457.310.740	3.697.724.514	-	37.185.031.748
T/lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	131.119.974.240	117.698.405.490	22.479.393.299	242.044.739	271.539.817.768
Giá trị còn lại					
Số đầu kỳ	1.066.836.904.012	231.338.971.051	62.376.996.170	-	1.360.552.871.233
Số cuối kỳ	1.052.962.096.645	216.881.660.311	58.679.271.656	-	1.328.523.028.612

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình để thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay là 1.323.424.809.010 đồng.
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2015 là 1.936.734.322 đồng.
- Không có TSCĐ hữu hình chờ thanh lý.
- Không có các cam kết về việc mua lại các tài sản cố định có giá trị lớn trong tương lai.
- Căn cứ theo quyết định số 293/QĐ – STC ngày 29/06/2011 của Sở Tài chính Thành phố Đà Nẵng về việc “Phê duyệt phương án thay đổi thời gian sử dụng tài sản cố định”, Công ty đã thực hiện việc điều chỉnh thời gian sử dụng hữu ích của

phần lớn các tài sản cố định thuộc Nhà máy thủy điện Krông H' năng kể từ năm 2011. Bên cạnh đó, Công ty cũng đã thực hiện việc thay đổi phương pháp tính khấu hao (từ phương pháp khấu hao theo đường thẳng sang phương pháp khấu hao theo sản lượng) đối với các tài sản tham gia trực tiếp sản xuất điện năng và đã gửi công văn thông báo cho Cục thuế (số 223/11/S3-TC ngày 09/06/2011) nhưng cho đến nay vẫn chưa có ý kiến trả lời bằng văn bản của Cục thuế Thành phố Đà Nẵng.

- Ngày 25/04/2013, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 45/2013/TT-BTC về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ. Theo đó tại khoản c, điểm 2, điều 13 quy định một trong các điều kiện áp dụng phương pháp khấu hao theo sản lượng, khối lượng sản phẩm là công suất sử dụng thực tế bình quân tháng trong năm tài chính không thấp hơn 100% công suất thiết kế. Ngày 31/07/2013, SBA đã có Công văn số 279/13/S3-TCKT gửi đến Bộ Tài chính đề nghị cho ý kiến hướng dẫn về việc áp dụng đúng quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC vào thực tế hoạt động của Công ty. Ngày 14/10/2013, Bộ Tài chính đã có Công văn số 13633/BTC-TCDN đồng ý cho Công ty Cổ phần Sông Ba tiếp tục trích khấu hao TSCĐ theo phương pháp khấu hao theo sản lượng, khối lượng sản phẩm đối với các TSCĐ trực tiếp tham gia sản xuất điện năng mà Công ty đã đăng ký với Cục thuế Thành phố Đà Nẵng trong trường hợp không đạt 100% công suất thiết kế với điều kiện phải đảm bảo cân đối đủ nguồn trả nợ vay đầu tư của các tổ chức tín dụng và thời gian trích khấu hao không được vượt quá tuổi thọ kỹ thuật của tài sản.

12. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất (*)	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu kỳ	5.175.261.800	302.800.000	5.478.061.800
Mua trong kỳ	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Số cuối kỳ	5.175.261.800	302.800.000	5.478.061.800
Khấu hao			
Số đầu kỳ	-	234.934.220	234.934.220
Khấu hao trong kỳ	-	40.560.000	40.560.000
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Số cuối kỳ	-	275.494.220	275.494.220
Giá trị còn lại			
Số đầu kỳ	5.175.261.800	67.865.780	5.243.127.580
Số cuối kỳ	5.175.261.800	27.305.780	5.202.567.580

(*) Quyền sử dụng đất lâu dài tại 573 Núi Thành, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng. Quyền sử dụng đất này đang được thế chấp cho khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng (trình bày tại Thuyết minh số 19).

- Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2015 là 100.000.000 đồng.

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2015	01/01/2015
Xây dựng cơ bản	5.691.273.761	8.586.408.626
- Nhà máy thủy điện Krông H' năng 2 (*)	1.291.509.910	1.291.509.910
- Nhà máy thủy điện Sông Tranh 1 (*)	4.399.763.851	4.399.763.851
- Văn phòng Công ty - Nhà điều hành	-	2.895.134.865
Sửa chữa, khác	-	5.256.853.745
- Trồng rừng Nhà máy thủy điện Krông H' năng	-	5.256.853.745
Cộng	5.691.273.761	13.843.262.371

(*) Dự án NMTĐ Krông H' năng 2 có tổng mức đầu tư là 407.915.000.000 đồng và dự án NMTĐ Sông Tranh 1 có tổng mức đầu tư là 552.646.106.000 đồng. Hai dự án trên đang hoàn chỉnh hồ sơ trình Bộ Công thương phê duyệt để điều chỉnh quy hoạch.

14. Phải trả người bán

a. Ngắn hạn

	31/12/2015	01/01/2015
Công ty Cổ phần Tư vấn & Xây dựng Điện 4	1.320.000.000	1.572.555.240
Ban quản lý Dự án Thủy điện 3	3.459.345.969	3.459.345.969
Công ty CP Tư vấn Đầu tư Hạ tầng và Năng lượng điện	1.095.000.000	-
Các đối tượng khác	840.224.322	1.757.487.618
Cộng	6.714.570.291	6.789.388.827

b. Phải trả người bán là các bên liên quan

	Mối quan hệ	31/12/2015	01/01/2015
Công ty Cổ phần Tư vấn & Xây dựng Điện 4	Công ty con của Tập đoàn Điện lực VN	1.320.000.000	1.572.555.240
Ban quản lý Dự án Thủy điện 3	ĐVTT Tập đoàn Điện lực VN	3.459.345.969	3.459.345.969
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	Công ty đầu tư	-	55.140.140
Cộng		4.779.345.969	5.087.041.349

15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2015	01/01/2015
Công ty Lưới điện Cao thế Miền Trung	-	98.800.000
Ban quản lý Dự án điện nông thôn miền Trung	-	299.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn Sông Hinh	52.936.919	-
Đoàn Minh Phụng	25.000.000	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ	27.685.467	-
Cộng	105.622.386	397.800.000

16. Thuế và các khoản nộp nhà nước

	Số đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế giá trị gia tăng	1.734.725.885	19.345.299.609	10.029.166.413	11.050.859.081
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.074.013.080	5.752.930.149	2.577.028.486	4.249.914.743
Thuế thu nhập cá nhân	-	2.150.736.166	2.125.948.357	24.787.809
Thuế tài nguyên	1.656.463.571	10.582.414.435	5.977.354.405	6.261.523.601
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	9.389.163	9.389.163	-
Thuế môn bài	-	6.000.000	6.000.000	-
Phí dịch vụ môi trường rừng	1.821.080.749	3.287.860.400	3.000.330.509	2.108.610.640
Cộng	6.286.283.285	41.134.629.922	23.725.217.333	23.695.695.874

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

17. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2015	01/01/2015
Lãi vay phải trả	2.667.236.506	3.271.730.972
Chi phí thực hiện dự án bán đồ chung cho hạ du Sông Ba	214.145.973	590.676.050
Chi phí lắp đặt thiết bị cơ điện NMTĐ Hát Lìu	-	33.700.151
Chi phí kiểm định đập Đắc Psi 5	104.315.187	125.227.881
Chi phí giám sát lắp đặt NMTĐ A Roàng	721.092.976	-
Chi phí tư vấn lập bản đồ NMTĐ Ry Ninh	19.783.676	-
Chi phí tư vấn phòng chống lụt bão và bảo vệ đập NMTĐ An Điền	10.445.395	-
Chi phí tư vấn bảo vệ đập NMTĐ A Roàng	72.643.761	-
Chi phí lập bản đồ hạ du NMTĐ Đắc Pone	9.296.058	-
Chi phí bảo vệ lòng hồ NMTĐ K'rông H'năng	60.000.000	-
Lãi chậm thanh toán cổ tức	855.160.833	-
Cộng	4.734.120.365	4.021.335.054

18. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2015	01/01/2015
Cổ tức phải trả	27.827.217.478	8.668.881.965
Phải trả khác	734.364.707	744.364.707
Cộng	28.561.582.185	9.413.246.672

19. Vay và nợ thuê tài chính

a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Cuối kỳ
Vay ngắn hạn	-	13.000.000.000	-	13.000.000.000
- Ngân hàng Phương Đông CN Q.Nam	-	13.000.000.000	-	13.000.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	105.616.644.520	77.284.000.000	136.070.644.520	46.830.000.000
- Ngân hàng Ngoại thương CN Đà Nẵng	2.560.000.000	5.830.000.000	2.560.000.000	5.830.000.000
- Ngân hàng Phát triển VN CN Phú Yên	103.056.644.520	-	103.056.644.520	-
- Ngân hàng Phương Đông CN Q.Nam	-	71.454.000.000	30.454.000.000	41.000.000.000
Cộng	105.616.644.520	90.284.000.000	136.070.644.520	59.830.000.000

b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Cuối kỳ
Vay dài hạn	731.594.909.612	619.454.000.000	651.344.909.612	699.704.000.000
- Ngân hàng Ngoại thương CN Đà Nẵng	113.264.000.000	-	2.560.000.000	110.704.000.000
- Ngân hàng Phát triển VN CN Phú Yên	618.330.909.612	-	618.330.909.612	-
- Ngân hàng Phương Đông CN Q.Nam	-	619.454.000.000	30.454.000.000	589.000.000.000
Cộng	731.594.909.612	619.454.000.000	651.344.909.612	699.704.000.000
Trong đó:				
- Vay dài hạn đến hạn trả trong vòng 1 năm	105.616.644.520			46.830.000.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	625.978.265.092			652.874.000.000

Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng:

Theo 2 hợp đồng vay vốn tín dụng:

- Tại ngày 07/02/2013, Công ty ký hợp đồng vay dài hạn số 34/2013/VCB-KHDN với hạn mức 50.000.000.000 đồng, thời hạn vay 120 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay này chịu lãi suất theo thông báo của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng và được điều chỉnh 1 quý/1 lần.
 - Tại ngày 14/05/2014, Công ty ký hợp đồng vay dài hạn số 162/2014/VCB-KHDN với hạn mức 77.650.000.000 đồng, thời hạn vay 120 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay này chịu lãi suất theo thông báo của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng và được điều chỉnh 1 quý/1 lần.
- Mục đích của khoản vay để bù đắp vốn tự có của Công ty tham gia đầu tư dự án Nhà máy thủy điện Khe Diên. Khoản vay được bảo lãnh bằng quyền sử dụng đất lâu dài tại 573 Núi Thành, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng và Nhà máy thủy điện Khe Diên.

Vay Ngân hàng TMCP Phương Đông – Chi nhánh Quảng Nam:

Theo hợp đồng vay dài hạn số 024/2015/HĐTD-DN ngày 26/03/2015 với hạn mức 620.000.000.000 đồng, thời hạn vay 120 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay này chịu lãi suất theo thông báo của Ngân hàng TMCP Phương Đông – Chi nhánh Quảng Nam và được điều chỉnh 1 quý/1 lần. Mục đích của khoản vay nhằm tái tài trợ dự án thủy điện Krông H'nh (cho vay mua nợ của Công ty Cổ phần Sông Ba tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Phú Yên). Hình thức bảo đảm tiền vay: Nhà máy thủy điện Krông H'nh.

20. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại 01/01/2014	604.882.610.000	(95.000.000)	4.394.685.584	(1.588.920.333)	3.272.258.348	3.506.094.760	68.539.830.559	682.911.558.918
Tăng trong kỳ	-	-	297.487.080	-	1.655.350.221	1.986.420.265	65.389.603.338	69.328.860.904
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-	66.393.868.742	66.393.868.742
Số dư tại 31/12/2014	604.882.610.000	(95.000.000)	4.692.172.664	(1.588.920.333)	4.927.608.569	5.492.515.025	67.535.565.155	685.846.551.080
Chuyển số dư (*)					5.492.515.025	(5.492.515.025)		
Số dư tại 01/01/2015	604.882.610.000	(95.000.000)	4.692.172.664	(1.588.920.333)	10.420.123.594	-	67.535.565.155	685.846.551.080
Tăng trong kỳ	-	-	2.057.780.246	-	2.674.302.605	-	51.769.769.357	56.501.852.208
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-	67.535.565.155	67.535.565.155
Số dư tại 31/12/2015	604.882.610.000	(95.000.000)	6.749.952.910	(1.588.920.333)	13.094.426.199	-	51.769.769.357	674.812.838.133

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2015	01/01/2015
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	236.450.000.000	236.450.000.000
Các cổ đông khác	366.433.310.000	366.433.310.000
Mệnh giá của cổ phiếu quỹ	1.999.300.000	1.999.300.000
Cộng	604.882.610.000	604.882.610.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2015	Năm 2014
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu kỳ	604.882.610.000	604.882.610.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	604.882.610.000	604.882.610.000
Cổ tức đã chia	60.288.331.000	60.288.331.000

d. Cổ phiếu

	31/12/2015	01/01/2015
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	60.488.261	60.488.261
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	60.488.261	60.488.261
- Cổ phiếu phổ thông	60.488.261	60.488.261
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	199.930	199.930
- Cổ phiếu phổ thông	199.930	199.930
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	60.288.331	60.288.331
- Cổ phiếu phổ thông	60.288.331	60.288.331
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND		

e. Cổ tức

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 số 03/2015/NQ-ĐHĐCĐ ngày 10 tháng 04 năm 2015 đã thông qua phương án trả cổ tức năm 2014 bằng tiền với tỷ lệ 10%/vốn điều lệ (tương ứng 60.288.331.000 đồng). Ngày đăng ký cuối cùng là ngày 18/05/2015 và thực hiện chi trả từ ngày 29/05/2015.

f. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	Năm 2015	Năm 2014
Lợi nhuận kỳ trước chuyển sang	67.535.565.155	68.539.830.559
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp kỳ này	51.769.769.357	65.389.603.338
Phân phối lợi nhuận	67.535.565.155	66.393.868.742
- Phân phối lợi nhuận kỳ trước (*)	67.535.565.155	66.393.868.742
+ Quỹ dự trữ bổ sung	2.057.780.246	297.487.080
+ Quỹ đầu tư phát triển	2.674.302.605	1.655.350.221
+ Quỹ dự phòng tài chính	-	1.986.420.265
+ Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.337.151.304	1.324.280.176
+ Quỹ thưởng Ban điều hành	500.000.000	500.000.000
+ Chi trả cổ tức	60.288.331.000	60.288.331.000
+ Thù lao HĐQT & BKS	678.000.000	342.000.000
- Tạm phân phối lợi nhuận kỳ này	-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối kỳ	51.769.769.357	67.535.565.155

(*) Phân phối lợi nhuận năm 2014 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 số 03/2015/NQ-ĐHĐCĐ ngày 10 tháng 04 năm 2015.

21. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

a. Doanh thu

	Năm 2015	Năm 2014
Doanh thu bán điện	192.868.359.754	207.820.870.492
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.057.420.233	3.551.239.553
Cộng	194.925.779.987	211.372.110.045



CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG BA

Đ/c: 573 Núi Thành - TP Đà Nẵng * Tel: 0511.3653592-2215592 * Fax: 0511.3653593
Email: sba2007@songba.vn * Website: www.songba.vn



Trang 80/89

b. Doanh thu các bên liên quan

	Mối quan hệ	Năm 2015	Năm 2014
Doanh thu bán điện thương phẩm		192.847.282.533	207.794.443.628
- Tổng công ty Điện lực Miền Trung	Công ty đầu tư	46.555.739.380	32.366.671.816
- Công ty mua bán điện	ĐVTT Tập đoàn Điện lực VN	146.291.543.153	175.427.771.812
Cộng		192.847.282.533	207.794.443.628

22. Giá vốn hàng bán

	Năm 2015	Năm 2014
Giá vốn bán điện	65.203.416.162	71.871.193.200
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	1.978.288.685	3.420.952.942
Cộng	67.181.704.847	75.292.146.142

23. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2015	Năm 2014
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	86.186.919	120.880.813
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.025.405	836.592
Cộng	87.212.324	121.717.405

24. Chi phí tài chính

	Năm 2015	Năm 2014
Chi phí lãi vay	61.747.829.453	48.597.994.249
Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm	-	8.187.318.745
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.123.533.712	271.342.066
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	796.914.222
Lãi chậm thanh toán cổ tức	855.160.833	-
Chi phí tài chính khác	11.556.832	-
Cộng	63.738.080.830	57.853.569.282

25. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2015	Năm 2014
Chi phí nguyên vật liệu, công cụ	266.587.621	293.858.999
Chi phí nhân công	5.824.019.983	6.062.390.817
Chi phí khấu hao tài sản cố định	406.018.895	232.765.287
Chi phí dịch vụ mua ngoài	846.042.534	1.311.822.663
Các khoản khác	916.402.768	979.580.188
Cộng	8.259.071.801	8.880.417.954

26. Thu nhập khác

	Năm 2015	Năm 2014
Thu sử dụng điện NM K'rông H'năng	158.322.474	175.613.791
Phí môi trường rừng năm 2011, 2012 được thanh toán lại	1.259.952.000	-
Phí môi trường rừng năm 2011 không phải nộp	357.023.560	-
Các khoản khác	289.478.630	191.051.958
Cộng	2.064.776.664	366.665.749

27. Chi phí khác

	Năm 2015	Năm 2014
Chi phí tiền điện NM Krông H'ăng	158.322.472	175.577.794
Phí quản lý niêm yết	67.021.821	66.048.826
Chi phí khác	150.867.698	57.315.468
Cộng	376.211.991	298.942.088

28. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2015	Năm 2014
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	57.522.699.506	69.535.417.733
- Hoạt động chính của NM Thủy điện Khe Diên	16.328.076.106	10.805.481.837
- Hoạt động chính của NM Thủy điện Krông H'ăng	41.120.762.400	58.791.927.257
- Hoạt động chính của Trung tâm Tư vấn	1.391.463	(10.714.505)
- Hoạt động chính của Văn phòng Công ty	72.469.537	(51.276.856)
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	1.175.152.988	216.569.629
- Các khoản điều chỉnh tăng (chi phí không hợp lý, hợp lệ)	1.175.152.988	216.569.629
+ Nhà máy Thủy điện Khe Diên	94.543.533	42.012.109
+ Nhà máy Thủy điện Krông H'ăng	1.000.398.770	75.929.282
+ Trung tâm Tư vấn	1.546.149	377.038
+ Văn phòng Công ty	78.664.536	98.251.200
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	58.697.852.494	69.751.987.362
- Thu nhập từ hoạt động của NM Thủy điện Khe Diên	16.422.619.639	10.847.493.946
- Thu nhập từ hoạt động của NM Thủy điện Krông H'ăng	42.121.161.170	58.867.856.539
- Thu nhập từ hoạt động của Trung tâm Tư vấn	2.937.612	(10.337.467)
- Thu nhập từ hoạt động của Văn phòng Công ty	151.134.073	46.974.344
Thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định	7.858.988.208	8.281.294.435
+ Nhà máy Thủy điện Khe Diên	3.612.976.320	2.384.174.425
+ Nhà máy Thủy điện Krông H'ăng	4.212.116.117	5.886.785.654
+ Trung tâm Tư vấn	646.275	-
+ Văn phòng Công ty	33.249.496	10.334.356
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm	2.106.058.059	4.135.480.040
+ Nhà máy Thủy điện Khe Diên	-	1.192.087.213
+ Nhà máy Thủy điện Krông H'ăng (50%)	2.106.058.059	2.943.392.827
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	5.752.930.149	4.145.814.395
Trong đó:		
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh kỳ này	5.752.930.149	4.145.814.395
+ Nhà máy Thủy điện Khe Diên	3.612.976.320	1.192.087.212
+ Nhà máy Thủy điện Krông H'ăng	2.106.058.058	2.943.392.827
+ Trung tâm Tư vấn	646.275	-
+ Văn phòng Công ty	33.249.496	10.334.356

29. Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2015	Năm 2014
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	51.769.769.357	65.389.603.338
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	-	(2.515.151.304)
- Điều chỉnh tăng	-	-
- Điều chỉnh giảm (trích quỹ khen thưởng phúc lợi, quỹ khen thưởng BDH, thù lao HĐQT và BKS)	-	2.515.151.304

LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	51.769.769.357	62.874.452.034
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	60.288.331	60.288.331
Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu	859	1.043

(*) Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính khi chưa trừ quỹ khen thưởng, phúc lợi. Kế hoạch Đại hội cổ đông cũng như Điều lệ Công ty không quy định cụ thể tỷ lệ trích quỹ. Hàng năm, căn cứ vào kết quả kinh doanh đạt được cuối năm, Ban điều hành sẽ đề xuất tỷ lệ trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cụ thể.

30. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2015	Năm 2014
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	8.701.945.831	6.467.085.459
Chi phí nhân công	13.960.925.069	14.829.212.845
Chi phí khấu hao tài sản cố định	37.225.591.748	35.589.069.550
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.936.042.818	6.308.092.417
Chi phí khác bằng tiền	8.860.545.256	21.767.880.473
Cộng	75.685.050.722	84.961.340.744

31. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng các lĩnh vực kinh doanh cũng như các môi trường kinh tế cụ thể theo khu vực địa lý không có sự khác biệt trong việc gánh chịu rủi ro và lợi ích kinh tế. Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh chính là sản xuất điện năng và ba bộ phận địa lý chính là Tỉnh Quảng Nam, Tỉnh Đắk Lắk và Tỉnh Phú Yên.

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý	NMED Khe Diên - Tỉnh Q.Nam		NMED Krông H'Năng - Tỉnh Đắk Lắk & Phú Yên		VPCT & TTTV-KB AT đáp		Tổng cộng	
	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Doanh thu bán hàng & CC d.vụ	46.576.816.601	32.393.098.680	146.291.543.153	175.427.771.812	2.057.420.233	3.551.239.555	194.925.779.987	211.372.110.045
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-	-	-	-	-	-	-
Giá vốn hàng bán	19.060.469.376	17.866.747.190	46.142.946.786	54.004.446.010	1.978.288.683	3.420.952.942	67.181.704.847	75.292.146.142
Doanh thu hoạt động tài chính	873.800	813.400	769.500	2.304.794	65.569.024	118.599.211	87.212.324	121.717.405
Chi phí tài chính	10.414.815.310	1.613.946.549	53.323.265.520	56.237.622.733	-	-	63.738.080.830	57.833.569.282
Chi phí bán hàng	-	-	-	-	-	-	-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	2.343.224.029	2.107.076.533	5.672.644.234	6.368.898.644	243.203.538	404.442.757	8.259.071.801	8.880.417.954
Lợi nhuận thuần h.động KD	14.759.181.636	10.804.141.788	41.153.456.113	58.819.109.219	(78.601.966)	(155.556.935)	55.834.134.833	69.467.694.072
Thu nhập khác	1.621.079.560	4.104.000	-	-	443.697.104	362.561.749	2.064.776.664	366.665.749
Chi phí khác	52.185.140	2.763.951	32.693.713	27.181.962	291.333.138	268.996.175	376.211.991	298.942.088
Lãi (lỗ) hoạt động khác	1.568.894.420	1.340.049	(32.693.713)	(27.181.962)	152.363.966	93.565.574	1.688.564.673	67.723.661
Lợi nhuận trước thuế	16.328.076.106	10.805.481.837	41.120.762.400	58.791.927.257	73.861.000	(61.991.361)	57.522.699.506	69.535.417.733
Thuế TNDN	3.612.976.320	1.192.087.212	2.106.058.058	2.943.392.827	33.895.771	10.334.356	5.792.930.149	4.145.814.395
Lợi nhuận sau thuế TNDN	12.715.099.786	9.613.394.625	39.014.704.342	55.848.534.430	39.965.229	(72.325.717)	51.769.769.357	65.389.603.338
Tài sản cố định	31/12/2015	01/01/2015	31/12/2015	01/01/2015	31/12/2015	01/01/2015	31/12/2015	01/01/2015
Tài sản cố định hữu hình	122.309.639.807	121.283.392.982	1.201.254.221.404	1.228.969.942.234	4.959.167.401	299.536.017	1.328.523.028.612	1.360.532.871.233
- Nguyên giá	194.229.990.673	194.229.990.673	1.401.454.456.356	1.401.334.337.703	7.375.399.151	2.333.303.872	1.600.062.846.330	1.594.907.637.233
- Giá trị hao mòn	68.920.350.866	59.946.597.691	200.200.235.152	172.354.415.474	2.416.231.750	2.033.772.855	271.539.817.768	234.354.766.020
Tài sản cố định vô hình	-	-	-	-	5.202.567.580	5.243.127.580	5.202.567.580	5.243.127.580
- Nguyên giá	-	-	-	-	5.473.061.800	5.473.061.800	5.473.061.800	5.473.061.800
- Hao mòn lũy kế	-	-	-	-	270.494.220	230.934.220	270.494.220	230.934.220

32. Công cụ tài chính

a. Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về lãi suất, rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về lãi suất và giá.

Quản lý rủi ro về lãi suất

Rủi ro lãi suất của Công ty phát sinh chủ yếu từ các khoản vay đã ký kết. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kỳ cũng như phân tích, dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp. Ban Tổng Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động lãi suất ngoài dự tính của Công ty ở mức thấp.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty mua nguyên vật liệu từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc thay đổi giá mua của nguyên vật liệu. Tuy nhiên, chi phí nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng giá thành sản phẩm nên Công ty cho rằng rủi ro về giá trong hoạt động sản xuất kinh doanh là ở mức thấp.

Quản lý rủi ro tín dụng

Khách hàng của Công ty là Tổng Công ty Điện lực Miền Trung và Công ty mua bán điện thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Với đặc thù kinh doanh mua bán điện tại Việt Nam, Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty không có rủi ro tín dụng trọng yếu với khách hàng.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhàn rỗi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Tổng hợp các khoản nợ tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

ĐVT: VND

31/12/2015	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	6.714.570.291	-	6.714.570.291
Chi phí phải trả	4.734.120.365	-	4.734.120.365
Vay và nợ thuê tài chính	59.830.000.000	652.874.000.000	712.704.000.000
Phải trả khác	28.561.582.185	-	28.561.582.185
Cộng	99.840.272.841	652.874.000.000	752.714.272.841
01/01/2015	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	6.789.388.827	-	6.789.388.827
Chi phí phải trả	4.021.335.054	-	4.021.335.054
Vay và nợ thuê tài chính	105.616.644.520	625.978.265.092	731.594.909.612
Phải trả khác	9.413.246.672	-	9.413.246.672
Cộng	125.840.615.073	625.978.265.092	751.818.880.165

Ban Tổng Giám đốc cho rằng rủi ro thanh khoản của Công ty ở mức rất cao nhưng Công ty tin tưởng rằng có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

31/12/2015	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	838.160.183	-	838.160.183
Phải thu khách hàng	86.672.043.422	-	86.672.043.422
Phải thu khác	701.106.450	2.004.000.000	2.705.106.450
Cộng	88.211.310.055	2.004.000.000	90.215.310.055
01/01/2015	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.521.506.023	-	4.521.506.023
Phải thu khách hàng	41.059.835.315	-	41.059.835.315
Phải thu khác	7.190.124.215	2.964.000.000	10.154.124.215
Cộng	52.771.465.553	2.964.000.000	55.735.465.553

33. Các bên liên quan

a. Các bên liên quan

	Mối quan hệ
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	Công ty đầu tư, đồng thời là Công ty con của Tập đoàn Điện lực VN
Công ty mua bán điện	ĐVTТ Tập đoàn Điện lực VN

b. Các giao dịch trọng yếu khác với các bên liên quan phát sinh trong kỳ

Giao dịch	Năm 2015	Năm 2014
-----------	----------	----------



Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	Doanh thu bán điện	46.555.739.380	32.366.671.816
	Cổ tức phải trả	23.645.000.000	23.645.000.000
	Cổ tức đã trả	5.000.000.000	18.645.000.000
	Mua điện	657.471.298	847.415.769
Công ty Mua Bán điện	Doanh thu bán điện	146.291.543.153	175.427.771.812

c. Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong kỳ

	Năm 2015	Năm 2014
Thù lao, thưởng Hội đồng quản trị	932.000.000	846.000.000
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc	1.406.084.281	1.697.230.734

34. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong các Báo cáo tài chính

35. Số liệu so sánh

Là số liệu trong báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 đã được kiểm toán bởi AAC. Một số chỉ tiêu so sánh trên Báo cáo tài chính đã được phân loại lại nhằm đảm bảo tính chất so sánh với các số liệu năm nay, phù hợp với quy định về lập Báo cáo tài chính tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp. Cụ thể như sau:

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	01/01/15	01/01/15 (Trình bày lại)
Phải thu ngắn hạn khác	7.190.124.215	7.872.012.286
Tài sản ngắn hạn khác	681.888.071	-
Tài sản dài hạn khác	2.964.000.000	-
Phải thu dài hạn khác	-	2.964.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	4.927.608.569	-
Quỹ dự phòng tài chính	5.492.515.025	10.420.123.594

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2014 (Trình bày lại)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.085	1.043


Tổng Giám đốc
Phạm Phong
Phạm Phong

Đà Nẵng, ngày 01 tháng 03 năm 2016

Kế toán trưởng

Phạm Thái Hùng

Phạm Thái Hùng

Người lập biểu

Trương Ngọc Hùng

Trương Ngọc Hùng

Đà Nẵng, ngày 30 tháng 03 năm 2016
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

TỔNG GIÁM ĐỐC

PHẠM PHONG

MỤC LỤC

I. THÔNG TIN CHUNG.....	1
1. Thông tin khái quát	1
2. Quá trình hình thành và phát triển.....	1
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	8
4. Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	9
5. Định hướng phát triển	11
6. Các rủi ro	12
II. Tình hình hoạt động của SBA trong năm 2015.....	18
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	18
2. Tổ chức và nhân sự	18
3. Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án.....	28
4. Tình hình tài chính	29
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	31
III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc	34
1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.....	34
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý	45
4. Kế hoạch năm 2016.....	46
5. Giải trình của Ban Tổng giám đốc đối với ý kiến kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2014: Không có	48
V. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty.....	48
1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty và Ban Tổng Giám đốc	48
2. Định hướng chương trình hoạt động của HĐQT năm 2016	50
V. Quản trị Công ty	52
1. Hội đồng quản trị.....	52
2. Ban kiểm soát	54
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý Công ty.....	55
1. Ý kiến kiểm toán.....	56
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP.....	57
2. Báo cáo tài chính được kiểm toán.....	58
1. Đặc điểm hoạt động.....	63
2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán.....	64
3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng.....	64
4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu	64
5. Tiền và các khoản tương đương tiền	72
6. Phải thu của khách hàng	72
Trong đó phải thu của khách hàng là các bên liên quan	72
7. Trả trước cho người bán ngắn hạn.....	72
8. Phải thu khác	73
9. Hàng tồn kho	73
10. Chi phí trả trước	73
11. Tài sản cố định hữu hình	74
12. Tài sản cố định vô hình	75
13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	76

14. Phải trả người bán.....	76
15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn.....	76
16. Thuế và các khoản nộp nhà nước	77
17. Chi phí phải trả ngắn hạn.....	77
18. Phải trả ngắn hạn khác.....	77
19. Vay và nợ thuê tài chính.....	78
20. Vốn chủ sở hữu.....	79
21. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.....	80
22. Giá vốn hàng bán.....	81
23. Doanh thu hoạt động tài chính.....	81
24. Chi phí tài chính	81
25. Chi phí quản lý doanh nghiệp.....	81
26. Thu nhập khác	81
27. Chi phí khác.....	82
28. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	82
29. Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu.....	82
30. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố	83
31. Báo cáo bộ phận	83
32. Công cụ tài chính.....	84
33. Các bên liên quan	85
34. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán.....	86
35. Số liệu so sánh	86